

Số: **2383**/CNBT-TCHC
Về việc công bố tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
để Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Nghị quyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 9 năm 2026

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

**1. Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH
(Mã chứng khoán: BTW)**

2. Trụ sở chính : 194 Pasteur, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

3. Điện thoại : (028) 38297147 – Hotline: 1900068868

4. Fax : (028) 38229778

5. Người thực hiện công bố thông tin:

Họ và tên : NGUYỄN HOÀI NAM – Giám đốc Công ty

6. Loại thông tin công bố:

☐ 24h

☐ 72h

☐ Yêu cầu

☒ Bất thường

☐ Định kỳ

7. Nội dung thông tin công bố:

Căn cứ Thông báo số 25/TB-CNBT-HĐQT ngày 03/9/2026 của Hội đồng quản trị về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành công bố thông tin về việc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền như sau:

- Thời gian lấy ý kiến: **Từ ngày 04/9/2026 đến 17 giờ 00 phút ngày 14/9/2026.**

- Đối tượng tham gia biểu quyết: Cổ đông có tên trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết được lập tại ngày đăng ký cuối cùng **ngày 26/8/2026.**

- Nội dung lấy ý kiến:

- Thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2027 đối với ông Phạm Tuấn Anh theo đề nghị của cổ đông Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV do thay đổi người đại diện phần vốn tại Công ty.

- Thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2027 đối với bà Nguyễn Thị Kiều Nguyệt theo Đơn xin từ nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị.

- Thông qua việc bầu bổ sung 02 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ còn lại 2022 – 2027 theo danh sách ứng viên đủ tiêu chuẩn, điều kiện được Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định, gồm:

+ Bà Nguyễn Đỗ Ngọc Bảo.

+ Bà Trần Thị Ngọc Luyến.

- Thông qua giao dịch Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2026 giữa Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành và Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV (là giao dịch với người có liên quan); việc ủy quyền thực hiện và cơ chế thanh toán liên quan theo Tờ trình của Hội đồng quản trị.

Toàn bộ tài liệu phục vụ việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Công ty tại www.capnuocbenthanh.com và gửi đến các cổ đông theo quy định của pháp luật.

8. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành vào **ngày 03/9/2026** tại đường dẫn: **www.capnuocbenthanh.com**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

*** Đính kèm:**

- Thông báo lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản;
- Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản;
- Quy chế đề cử, ứng cử và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ còn lại 2022 – 2027;
- Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022–2027;
- Danh sách ứng viên Hội đồng quản trị đủ tiêu chuẩn, điều kiện và Hồ sơ ứng viên Hội đồng quản trị;
- Tờ trình về việc thông qua giao dịch Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2026 với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV, ủy quyền thực hiện và cơ chế thanh toán liên quan;
- Dự thảo Bản thoả thuận mua bán sỉ nước sạch năm 2026; dự thảo Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2026;
- Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Mẫu văn bản ủy quyền và các tài liệu liên quan.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (để báo cáo);
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Thành viên BKS Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Kế toán trưởng Công ty;
- Lưu: VT, TC-HC.



Nguyễn Hoài Nam

THÔNG BÁO

Về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21/4/2022;

- Quy chế quản trị nội bộ Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21/4/2022;

- Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21/4/2022;

- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 23/NQ-CNBT-HĐQT ngày 30/7/2026 về việc ghi nhận thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị và thông qua chủ trương tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền;

- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 26/NQ-CNBT-HĐQT ngày 11/8/2026 về việc thông qua danh sách ứng viên đủ tiêu chuẩn, điều kiện và bộ tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành trân trọng thông báo đến Quý cổ đông về việc lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản để xem xét, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền như sau:

I. THÔNG TIN CÔNG TY:

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH
- Địa chỉ trụ sở chính: 194 Pasteur, phường Xuân Hòa, TP.HCM
- Mã chứng khoán: BTW
- Website: www.capnuocbenthanh.com

II. NỘI DUNG LẤY Ý KIẾN:

1. Đối tượng lấy ý kiến: Cổ đông có tên trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết được lập tại ngày đăng ký cuối cùng ngày **26/8/2026**.



2. Nội dung lấy ý kiến:

- Thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2027 đối với ông Phạm Tuấn Anh theo đề nghị của cổ đông Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV do thay đổi người đại diện phần vốn tại Công ty.

- Thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2027 đối với bà Nguyễn Thị Kiều Nguyệt theo Đơn xin từ nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị.

- Thông qua việc bầu bổ sung 02 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ còn lại 2022 – 2027 theo danh sách ứng viên đủ tiêu chuẩn, điều kiện được Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định, gồm:

+ Bà Nguyễn Đỗ Ngọc Bảo.

+ Bà Trần Thị Ngọc Luyến.

- Thông qua giao dịch Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2026 giữa Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành và Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV (là giao dịch với người có liên quan); việc ủy quyền thực hiện và cơ chế thanh toán liên quan theo Tờ trình của Hội đồng quản trị.

Nội dung chi tiết các vấn đề lấy ý kiến được thể hiện tại các Tờ trình của Hội đồng quản trị gửi kèm Thông báo này.

3. Tài liệu phục vụ việc lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông được gửi kèm Thông báo này, đồng thời được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty tại www.capnuocbenthanh.com

Các tài liệu gửi kèm Thông báo gồm:

- Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản;

- Quy chế đề cử, ứng cử và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ còn lại 2022 – 2027;

- Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022–2027;

- Danh sách ứng viên Hội đồng quản trị đủ tiêu chuẩn, điều kiện và Hồ sơ ứng viên Hội đồng quản trị;

- Tờ trình về việc thông qua giao dịch Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2026 với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV, ủy quyền thực hiện và cơ chế thanh toán liên quan;

- Dự thảo Bản thoả thuận mua bán sỉ nước sạch năm 2026; dự thảo Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2026;

- Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

- Mẫu văn bản uỷ quyền và các tài liệu liên quan.

III. THỜI GIAN, PHƯƠNG THỨC GỬI VÀ TIẾP NHẬN PHIẾU LẤY Ý KIẾN

- Thời gian lấy ý kiến: Từ ngày 04/9/2026 đến 17 giờ 00 phút ngày 14/9/2026.

- Phương thức biểu quyết, bầu cử: Thực hiện theo hướng dẫn tại Phiếu lấy ý

kiến cổ đông bằng văn bản và Quy chế đề cử, ứng cử và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ còn lại 2022 – 2027 kèm theo.

- Phương thức gửi Phiếu lấy ý kiến:

Sau khi hoàn thành việc biểu quyết, Quý cổ đông ký xác nhận vào Phiếu lấy ý kiến và gửi Phiếu về Công ty theo một trong các hình thức sau:

- Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến: Phòng Tổ chức – Hành chính, Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành, địa chỉ: 194 Pasteur, phường Xuân Hòa, thành phố Hồ Chí Minh (điện thoại: (028) 38 297 147 – hotline: 1900 068 868)

- Gửi qua Fax: (028) 38 229 778

- Gửi bản scan đến địa chỉ email (phải gửi bằng địa chỉ email mà cổ đông đã đăng ký hợp lệ): codong@capnuocbenthanh.com

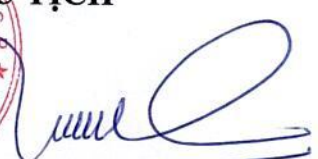
Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu thông qua Tổ kiểm phiếu được thành lập theo Nghị quyết Hội đồng quản trị, dưới sự giám sát của Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ Công ty; lập Biên bản kiểm phiếu, xác định kết quả biểu quyết làm căn cứ để Hội đồng quản trị ban hành Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; đồng thời thực hiện công bố thông tin theo quy định.

Kính đề nghị Quý cổ đông nghiên cứu tài liệu, thực hiện quyền biểu quyết và gửi Phiếu lấy ý kiến về Công ty đúng thời hạn quy định.

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Thành viên BKS Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Lưu: VT, HĐQT.



Phạm Tuấn Anh



PHIẾU LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN

(Đính kèm theo Thông báo số 25/TB-CNBT-HĐQT ngày 03/9/2026)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21/4/2022;

- Quy chế quản trị nội bộ Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21/4/2022;

- Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21/4/2022;

- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 23/NQ-CNBT-HĐQT ngày 30/7/2026 về việc ghi nhận thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị và thông qua chủ trương tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền;

- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 26/NQ-CNBT-HĐQT ngày 11/8/2026 về việc thông qua danh sách ứng viên đủ tiêu chuẩn, điều kiện và bộ tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền;

I. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

1. Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH

2. Địa chỉ trụ sở chính: 194 Pasteur, phường Xuân Hòa, TP.HCM, Việt Nam

3. Mã chứng khoán: BTW

4. Website: www.capnuocbenthanh.com

II. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

1. Tên cổ đông:

2. Số CCCD/Hộ chiếu/Mã số doanh nghiệp (đối với tổ chức):

3. Địa chỉ:

4. Điện thoại:- Fax:

5. Quốc tịch:

6. Số lượng cổ phần sở hữu/đại diện tại ngày đăng ký cuối cùng **26/8/2026**:
.....cổ phần.

7. Số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu/đại diện:
.....phiếu biểu quyết.



III. NỘI DUNG LẤY Ý KIẾN ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành (“Công ty”) tiến hành lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, gồm:

1. Thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2027 đối với ông Phạm Tuấn Anh theo đề nghị của cổ đông Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV do thay đổi người đại diện phần vốn tại Công ty.

2. Thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2027 đối với bà Nguyễn Thị Kiều Nguyệt theo Đơn xin từ nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thông qua việc bầu bổ sung 02 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ còn lại 2022 – 2027 theo danh sách ứng viên đủ tiêu chuẩn, điều kiện được Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định, gồm:

- Bà Nguyễn Đỗ Ngọc Bảo.

- Bà Trần Thị Ngọc Luyến.

4. Thông qua giao dịch Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2026 giữa Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành và Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV (là giao dịch với người có liên quan); việc ủy quyền thực hiện và cơ chế thanh toán liên quan theo Tờ trình của Hội đồng quản trị.

Nội dung chi tiết được thể hiện tại các Tờ trình của Hội đồng quản trị gửi kèm Phiếu lấy ý kiến này.

Các tài liệu phục vụ lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được gửi kèm theo Phiếu lấy ý kiến và được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại www.capnuocbenthanh.com.

IV. BIỂU QUYẾT

1. Thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2027 đối với ông Phạm Tuấn Anh.

☐ Tán thành

☐ Không tán thành

☐ Không có ý kiến

2. Thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2027 đối với bà Nguyễn Thị Kiều Nguyệt.

☐ Tán thành

☐ Không tán thành

☐ Không có ý kiến

3. Bầu bổ sung 02 Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ còn lại 2022 – 2027.

Danh sách ứng viên Hội đồng quản trị được Hội đồng quản trị Công ty thông qua:

STT	Họ và tên ứng viên	Số phiếu bầu cho ứng viên
1	Bà Nguyễn Đỗ Ngọc Bảo	
2	Bà Trần Thị Ngọc Luyến	

Tổng số phiếu được quyền bầu của cổ đông: phiếu

(Tổng số phiếu được quyền bầu = Số cổ phần có quyền biểu quyết sở hữu hoặc đại diện sở hữu × số lượng thành viên Hội đồng quản trị cần bầu bổ sung)

Hướng dẫn cách thức bầu cử:

Việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu được quyền sử dụng tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết sở hữu hoặc đại diện sở hữu nhân với số lượng thành viên Hội đồng quản trị cần bầu bổ sung (02 thành viên).

Cổ đông có thể phân bổ toàn bộ hoặc một phần số phiếu được quyền bầu cho một hoặc nhiều ứng viên theo ý chí của mình, nhưng tổng số phiếu bầu phân bổ cho các ứng viên không được vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu của cổ đông.

Ví dụ:

Cổ đông sở hữu 100 cổ phần có quyền biểu quyết:

Tổng số phiếu được quyền bầu:

$100 \text{ cổ phần} \times 02 \text{ thành viên Hội đồng quản trị cần bầu bổ sung} = 200 \text{ phiếu}$

Cổ đông có thể phân bổ số phiếu bầu như sau:

Bảo; - Bầu 200 phiếu cho bà Trần Thị Ngọc Luyến và 0 phiếu cho bà Nguyễn Đỗ Ngọc

Bảo; - Bầu 0 phiếu cho bà Trần Thị Ngọc Luyến và 200 phiếu cho bà Nguyễn Đỗ Ngọc

- Bầu 100 phiếu cho mỗi ứng viên;

- Hoặc phân bổ số phiếu khác cho các ứng viên nhưng tổng số phiếu bầu không vượt quá 200 phiếu.

Trường hợp cổ đông không ghi số phiếu bầu cho ứng viên nào thì được hiểu là không bầu phiếu cho ứng viên đó.

4. Thông qua giao dịch Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2026 giữa Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành và Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV; việc ủy quyền thực hiện và cơ chế thanh toán liên quan theo Tờ trình của Hội đồng quản trị.

☐ Tán thành

☐ Không tán thành

☐ Không có ý kiến

Lưu ý về cách thức biểu quyết:

- Đối với nội dung miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và thông qua giao dịch Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2026: Cổ đông đánh dấu (X) vào một trong ba ô “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến”.

- Đối với nội dung bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị: Cổ đông thực hiện ghi số phiếu bầu cho từng ứng viên theo hướng dẫn bầu dồn phiếu.

- Phiếu lấy ý kiến không hợp lệ trong các trường hợp sau: (i) Đánh dấu vào từ 2 ô trở lên tại vấn đề cần lấy ý kiến thì phần biểu quyết tại vấn đề đó không hợp lệ; (ii) Không có chữ ký (nếu là cổ đông cá nhân), không có chữ ký của người đại diện hợp pháp và đóng dấu (nếu cổ đông là tổ chức); (iii) Gửi về Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành sau thời hạn quy định; (iv) Phiếu bị sửa chữa, tẩy xóa, đánh dấu thêm ký hiệu và không do Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành phát hành; (v) Phiếu không xác định được ý chí biểu quyết của cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; (vi)



Tổng số phiếu bầu cổ đông phân bổ cho các ứng viên Hội đồng quản trị vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu của cổ đông; trường hợp này phần bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trên Phiếu lấy ý kiến được xác định là không hợp lệ và không được tính vào kết quả bầu cử.

- Khi cả 3 ô (Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến) tại vấn đề cần lấy ý kiến không được đánh dấu nhưng cổ đông vẫn ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu (nếu là tổ chức) vào văn bản này thì được xem là không có ý kiến.

- Trường hợp cổ đông ủy quyền cho người khác thực hiện quyền biểu quyết phải gửi kèm Văn bản ủy quyền hợp lệ.

- Đối với giao dịch Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2026, cổ đông có lợi ích liên quan đến giao dịch không có quyền biểu quyết theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quy định pháp luật có liên quan.

V. THỜI HẠN CỔ ĐÔNG GỬI PHIẾU LẤY Ý KIẾN

Quý cổ đông thực hiện biểu quyết/bầu cử và gửi Phiếu lấy ý kiến về Công ty theo một trong các hình thức:

- Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến: Phòng Tổ chức – Hành chính, Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành, địa chỉ: 194 Pasteur, phường Xuân Hòa, thành phố Hồ Chí Minh (điện thoại: (028) 38 297 147 – hotline: 1900 068 868)

- Gửi qua Fax: (028) 38 229 778

- Gửi bản scan đến địa chỉ email (phải gửi bằng địa chỉ email mà cổ đông đã đăng ký hợp lệ): codong@capnuocbenthanh.com

- Thời gian lấy ý kiến: Từ ngày 04/9/2026 đến 17 giờ 00 phút ngày 14/9/2026.



Phạm Tuấn Anh

....., ngày tháng năm 2026

XÁC NHẬN CỦA CỔ ĐÔNG

Tôi/Chúng tôi đã nghiên cứu đầy đủ tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử theo đúng ý chí của mình; đồng thời chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin và việc thực hiện quyền biểu quyết trên Phiếu lấy ý kiến này.

(Ký, ghi rõ họ tên; trường hợp cổ đông là tổ chức thì người đại diện hợp pháp ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 9 năm 2026

**QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ VÀ BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NHIỆM KỲ 2022 – 2027
(Áp dụng cho việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)**

I. Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21/4/2022;
- Quy chế quản trị nội bộ Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21/4/2022;
- Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21/4/2022;
- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 23/NQ-CNBT-HĐQT ngày 30/7/2026 về việc ghi nhận thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị và thông qua chủ trương tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền;
- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 26/NQ-CNBT-HĐQT ngày 11/8/2026 về việc thông qua danh sách ứng viên đủ tiêu chuẩn, điều kiện và bộ tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền;

II. Phạm vi áp dụng:

Quy chế này quy định nguyên tắc, trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử và phương thức bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành nhiệm kỳ 2022 – 2027 bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Quy chế được áp dụng đối với cổ đông có quyền biểu quyết, ứng viên tham gia bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổ kiểm phiếu và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình tổ chức bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

III. Nội dung Quy chế:

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị cần bầu bổ sung:

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị cần bầu bổ sung: 02 thành viên.

Việc bầu bổ sung nhằm kiện toàn cơ cấu Hội đồng quản trị trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm 02 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2027 theo nội dung trình Đại hội đồng cổ đông.

2. Nhiệm kỳ thành viên Hội đồng quản trị được bầu bổ sung:

Thành viên Hội đồng quản trị được bầu bổ sung có nhiệm kỳ còn lại của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2027.

3. Số lượng ứng viên:

Số lượng ứng viên tham gia bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị không hạn chế.

Trường hợp số lượng ứng viên bằng số lượng thành viên Hội đồng quản trị cần bầu bổ sung, việc bầu cử vẫn được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

Danh sách ứng viên được Hội đồng quản trị tổng hợp trên cơ sở hồ sơ đề cử, ứng cử hợp lệ và kết quả rà soát tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy định nội bộ.

4. Điều kiện đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo Danh sách cổ đông có quyền tham gia lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tại ngày đăng ký cuối cùng có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Việc thực hiện quyền đề cử, ứng cử được xác định theo quy định tại Điều lệ Công ty và thông báo của Hội đồng quản trị; danh sách cổ đông có quyền biểu quyết tham gia lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được xác định tại ngày đăng ký cuối cùng 26/8/2026.

Số lượng ứng viên được đề cử thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty; cụ thể theo tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quy định tại Thông báo về việc thực hiện quyền đề cử, ứng cử để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị ban hành.

Cổ đông, nhóm cổ đông thực hiện quyền đề cử, ứng cử phải gửi hồ sơ đề cử, ứng cử đến Công ty trong thời hạn theo thông báo của Hội đồng quản trị.

5. Tiêu chuẩn và điều kiện ứng viên:

Ứng viên được đề cử hoặc tự ứng cử phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các quy định pháp luật có liên quan, bao gồm:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty; có trình độ đại học;

- Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt; trung thực, liêm khiết; có hiểu biết pháp luật;

- Không thuộc trường hợp bị hạn chế về việc đồng thời đảm nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên tại doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật; theo đó, thành viên Hội đồng quản trị của công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác theo quy định tại khoản 3 Điều 275 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 78 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025);

- Không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp pháp luật hoặc Điều lệ Công ty có quy định khác.

Đối với ứng viên tham gia ứng cử hoặc được đề cử làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập, ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện nêu trên còn phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị hoặc bộ phận được Hội đồng quản trị giao nhiệm vụ sẽ rà soát, xác minh việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của các ứng viên trước khi lập danh sách ứng viên đủ điều kiện trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

6. Hồ sơ đề cử, ứng cử:

Hồ sơ đề cử, ứng cử được thực hiện theo Thông báo của Hội đồng quản trị về việc thực hiện quyền đề cử, ứng cử để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2027 và các biểu mẫu do Công ty ban hành.

7. Nguyên tắc bầu cử:

Việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp năm 2020, bảo đảm quyền biểu quyết của cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

8. Phương thức bầu cử:

Việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Theo đó:

- Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết sở hữu hoặc đại diện sở hữu nhân với số lượng thành viên Hội đồng quản trị cần bầu bổ sung;

- Cổ đông có quyền dồn toàn bộ hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc nhiều ứng viên;

- Tổng số phiếu bầu phân bổ cho tất cả ứng viên không được vượt quá tổng số phiếu bầu mà cổ đông được quyền sử dụng.

Ví dụ:

Cổ đông sở hữu 100 cổ phần và Công ty bầu bổ sung 02 thành viên Hội đồng quản trị thì tổng số phiếu bầu của cổ đông là: $100 \times 2 = 200$ phiếu.



Cổ đông có thể:

- Bầu 200 phiếu cho một ứng viên; hoặc
- Phân bổ 100 phiếu cho một ứng viên và 100 phiếu cho ứng viên khác; hoặc
- Phân bổ số phiếu bầu theo ý chí của mình cho một hoặc nhiều ứng viên, nhưng tổng số phiếu bầu phân bổ không vượt quá 200 phiếu.

9. Hình thức tiến hành bầu cử:

a) Phiếu lấy ý kiến

Công ty gửi Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đến cổ đông có quyền biểu quyết để thực hiện quyền bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

Phiếu lấy ý kiến thể hiện:

- Thông tin cổ đông;
- Số cổ phần sở hữu hoặc đại diện;
- Tổng số phiếu bầu được quyền sử dụng;
- Danh sách ứng viên Hội đồng quản trị;
- Số phiếu bầu phân bổ cho từng ứng viên.

b) Phiếu hợp lệ

Phiếu lấy ý kiến hợp lệ là phiếu:

- Do Công ty phát hành;
- Có chữ ký xác nhận của cổ đông hoặc người đại diện hợp pháp của cổ đông tổ chức;
- Được gửi về Công ty đúng thời hạn;
- Thể hiện số phiếu bầu phân bổ cho từng ứng viên theo ý chí của cổ đông; trường hợp không phân bổ phiếu cho ứng viên nào thì được xem là cổ đông không bầu cho ứng viên đó;
- Không có tổng số phiếu bầu vượt quá số phiếu được quyền sử dụng.

c) Phiếu không hợp lệ

Phiếu không hợp lệ gồm các trường hợp:

- Không phải phiếu do Công ty phát hành;
- Không có chữ ký xác nhận theo quy định;
- Gửi về Công ty sau thời hạn quy định;
- Bị sửa chữa, tẩy xóa làm thay đổi nội dung biểu quyết mà không có xác nhận hợp lệ;
- Có tổng số phiếu bầu vượt quá số phiếu được quyền sử dụng;
- Không xác định được ý chí biểu quyết của cổ đông;
- Trường hợp cổ đông không ghi số phiếu bầu cho bất kỳ ứng viên nào thì được xem là không bầu cho ứng viên nào và không làm mất tính hợp lệ của Phiếu lấy ý kiến.

Phiếu không hợp lệ không được tính vào kết quả bầu cử.

10. Nguyên tắc gửi Phiếu lấy ý kiến:

Cổ đông thực hiện quyền bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị bằng việc gửi Phiếu lấy ý kiến về Công ty theo phương thức được quy định tại Thông báo lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Cổ đông không gửi Phiếu lấy ý kiến về Công ty trong thời hạn quy định được xem là không tham gia biểu quyết.

11. Kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu:

Việc kiểm phiếu được thực hiện bởi Tổ kiểm phiếu do Hội đồng quản trị thành lập, dưới sự giám sát của Ban kiểm soát nhằm bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan và tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

Tổ kiểm phiếu có trách nhiệm:

- Kiểm tra tính hợp lệ của Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản;
- Tổng hợp số lượng cổ đông tham gia lấy ý kiến, số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia biểu quyết;
- Tổng hợp số phiếu bầu hợp lệ của từng ứng viên Hội đồng quản trị;
- Xác định kết quả bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Quy chế này;
- Lập và ký xác nhận Biên bản kiểm phiếu theo quy định.

12. Nguyên tắc xác định ứng viên trúng cử:

Ứng viên trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định căn cứ vào số phiếu bầu hợp lệ nhận được từ cao xuống thấp cho đến khi đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị cần bầu bổ sung theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều 17 Quy chế quản trị nội bộ Công ty.

Trường hợp số lượng ứng viên bằng số lượng thành viên Hội đồng quản trị cần bầu bổ sung, việc xác định kết quả bầu cử vẫn được thực hiện căn cứ vào số phiếu bầu hợp lệ mà từng ứng viên nhận được. Ứng viên không nhận được phiếu bầu hợp lệ thì không được xác định là trúng cử.

Trường hợp số lượng ứng viên được xác định trúng cử không đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị cần bầu bổ sung, việc xử lý số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn thiếu được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

13. Công bố kết quả bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu, Hội đồng quản trị công bố kết quả lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ban hành Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

Kết quả bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị được công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.



IV. Hiệu lực của Quy chế:

Quy chế này được Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành ban hành để làm cơ sở tổ chức thực hiện việc đề cử, ứng cử và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2027 bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Quy chế này được gửi kèm bộ tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để cổ đông nghiên cứu, thực hiện quyền biểu quyết theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ có liên quan.

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được Hội đồng quản trị ban hành và chấm dứt hiệu lực sau khi hoàn thành việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ còn lại 2022 – 2027, trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định khác. *qu*



Phạm Tuấn Anh
Phạm Tuấn Anh

TỜ TRÌNH

Về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2027

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21/4/2022;
- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 23/NQ-CNBT-HĐQT ngày 30/7/2026 về việc ghi nhận thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị và thông qua chủ trương tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền;
- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 26/NQ-CNBT-HĐQT ngày 11/8/2026 về việc thông qua danh sách ứng viên đủ tiêu chuẩn, điều kiện và bộ tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các nội dung sau:

I. Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2027

1. Miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Phạm Tuấn Anh

Căn cứ Văn bản số 136/TCT-HĐTV ngày 22/7/2026 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV về việc cử và thôi cử nhân sự làm Người đại diện vốn của Tổng Công ty và nhân sự tham gia quản lý, điều hành tại Công ty, dẫn đến thay đổi nhân sự đại diện phần vốn tham gia Hội đồng quản trị Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022–2027 đối với:

Ông Phạm Tuấn Anh

- Chức danh hiện tại: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành

- Lý do miễn nhiệm: Theo đề nghị của cổ đông Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV do thay đổi người đại diện phần vốn của Tổng Công ty tại Công ty.

2. Miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị đối với bà Nguyễn Thị Kiều Nguyệt

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2027 đối với:

Bà Nguyễn Thị Kiều Nguyệt

- Chức danh hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành

- Lý do miễn nhiệm: Theo Đơn xin từ nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị của bà Nguyễn Thị Kiều Nguyệt.

II. Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ còn lại 2022 – 2027

Để kiện toàn cơ cấu Hội đồng quản trị sau khi thực hiện việc miễn nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị nêu trên, bảo đảm số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo Điều lệ Công ty và đáp ứng yêu cầu quản trị công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định việc bầu bổ sung 02 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ còn lại 2022 – 2027 trên cơ sở danh sách ứng viên đủ tiêu chuẩn, điều kiện được Hội đồng quản trị xem xét, thông qua để trình Đại hội đồng cổ đông.

1. Bà Nguyễn Đỗ Ngọc Bảo

- Được cổ đông Công ty TNHH Thương mại N.T.P đề cử.

- Đại diện phần vốn góp tương ứng với 1.948.689 cổ phần, chiếm 20,82% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành.

2. Bà Trần Thị Ngọc Luyến

- Được cổ đông Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV đề cử; đồng thời là nhân sự được Tổng Công ty giới thiệu tham gia quản lý tại Công ty.

- Đại diện phần vốn góp tương ứng với 1.658.000 cổ phần, chiếm 17,71% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành.

Danh sách ứng viên nêu trên được Hội đồng quản trị tổng hợp, xem xét trên cơ sở hồ sơ đề cử ứng viên và kết quả rà soát tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ có liên quan. Việc quyết định bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hồ sơ của từng ứng viên được gửi kèm tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và được công bố theo quy định để cổ đông nghiên cứu trước khi thực hiện quyền biểu quyết.

Việc bầu bổ sung 02 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ còn lại 2022 – 2027 được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp năm 2020, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Thành viên BKS Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Kế toán trưởng Công ty;
- Lưu: VT, HĐQT.



Phạm Tuấn Anh

LÝ LỊCH TRÍCH NGANG CÁC ỨNG VIÊN BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ CÒN LẠI 2022–2027
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH

STT	Họ và Tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Quá trình công tác	Đề cử/Ứng cử	Ghi chú
1	Bà: Nguyễn Đỗ Ngọc Bảo	1972	Cử nhân ngoại ngữ	- Từ năm 1999 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Thương mại N.T.P - Từ năm 2018 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nước sạch Phú An - Từ năm 2024 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Địa Ốc Chợ Lớn - Từ năm 2025 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Công Nghệ Nước – Năng Lượng	Được Công ty TNHH Thương mại N.T.P đề cử (cổ đông sở hữu 20,82 % vốn điều lệ)	Người đại diện phần vốn của Công ty TNHH Thương mại N.T.P, quản lý 1.948.689 cổ phần, tương đương 20,82% vốn điều lệ tại Công ty.
2	Bà: Trần Thị Ngọc Luyến	1984	- Thạc sĩ Quản lý kinh tế; - Cử nhân Quản trị Kinh doanh	- Từ ngày 05/9/2005 đến ngày 29/7/2010: Chuyên trách công tác Đoàn thanh niên, lần lượt giữ chức vụ Ủy viên BCH Đoàn Tổng Công ty (09/2005 - 3/2006), Ủy viên Ban Thường vụ Đoàn Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn (3/2006 - 7/2010). - Từ ngày 30/07/2010 đến ngày 14/11/2013: Phó Bí thư Thường trực Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, kiêm nhiệm chức vụ Chủ nhiệm UBKT Đoàn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (12/2009 – 07/2010). - Từ ngày 15/11/2013 đến ngày 11/05/2015: Bí thư chuyên trách Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. Kiêm nhiệm chức vụ UV. BCH Công Đoàn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (Từ 01/2014 đến 2017), UV. BCH Đảng bộ Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (Từ 06/2014 đến 08/2020). - Từ ngày 12/05/2015 đến ngày 14/03/2016: Chánh Văn phòng Đảng ủy Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn. - Từ ngày 15/03/2016 đến ngày 29/02/2020: Bí thư Chi bộ, Trưởng phòng Tổ chức – Nhân sự Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên; Thành viên Hội đồng Quản trị Công Cổ phần Cấp nước Gia Định (4/2016 – 2020). - Từ 01/3/2020 đến nay: Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hoà.	Được Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV đề cử (cổ đông sở hữu 53,15% vốn điều lệ)	Người đại diện phần vốn của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV, quản lý 1.658.000 cổ phần, tương đương 17,71% vốn điều lệ tại Công ty.

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua giao dịch Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2026 với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV, ủy quyền thực hiện và cơ chế thanh toán liên quan

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21/4/2022;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026;
- Tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty.

Công ty hoạt động trong lĩnh vực cấp nước; việc mua bán sỉ nước sạch phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, góp phần bảo đảm việc cung cấp nước sạch an toàn, liên tục và ổn định cho khách hàng.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các nội dung sau:

I. Cơ sở trình giao dịch năm 2026

Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2025 đã được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và các quy định có liên quan.

Nội dung giao dịch Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2026 đã được trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét nhưng chưa được thông qua theo kết quả biểu quyết. Để bảo đảm hoạt động sản xuất, kinh doanh và cung cấp nước an toàn, liên tục, ổn định, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua lại nội dung này bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Đây là giao dịch giữa Công ty với người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

II. Thông tin giao dịch năm 2026

Ngày 20/01/2026, Tổng Công ty ban hành Công văn số 672/TCT-KDDVHH về đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2026 giữa hai bên, với đơn giá đề xuất là 7.455,49 đồng/m³ (chưa bao gồm thuế GTGT 5%).

Theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026, tổng giá trị dự kiến của Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2026 lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản theo Báo cáo tài chính được kiểm toán tại thời điểm 31/12/2025 của Công ty; do đó, thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

III. Nội dung trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua

1. Đơn giá của Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2026

Chấp thuận việc thương thảo Bản thỏa thuận và ký kết Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2026 giữa Công ty và Tổng Công ty với đơn giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng là 7.455,49 đồng/m³, bản thỏa thuận và hợp đồng mua sỉ nước sạch được ký theo từng năm và giao cho Giám đốc Công ty thực hiện.

2. Ủy quyền điều chỉnh đơn giá Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2026

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt chủ trương thương thảo, ký kết Bản thỏa thuận và Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch điều chỉnh khi có sự thay đổi đơn giá. Trường hợp việc điều chỉnh làm phát sinh phần chênh lệch giá trị giao dịch sau điều chỉnh so với giao dịch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản theo Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện nội dung được ủy quyền tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2027.

3. Thông qua cơ chế tạm thanh toán tiền mua sỉ nước sạch năm 2027

Đại hội đồng cổ đông thông qua chủ trương cho phép Giám đốc (Người đại diện theo pháp luật) của Công ty được thực hiện tạm thanh toán tiền mua sỉ nước sạch năm 2027 theo đơn giá áp dụng của Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2026 trong thời gian chờ Đại hội đồng cổ đông quyết định giao dịch Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2027 và đơn giá áp dụng, nhằm bảo đảm hoạt động sản xuất, kinh doanh và cung cấp nước an toàn, liên tục, ổn định của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Đính kèm:

- Dự thảo Bản thỏa thuận mua bán sỉ nước sạch năm 2026;
- Dự thảo Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2026 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV và Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Thành viên BKS Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Kế toán trưởng Công ty;
- Lưu: VT, HĐQT.



Phạm Tuấn Anh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2026

BẢN THỎA THUẬN

Về Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2026
giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên
và Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Theo nhu cầu, khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm 2026, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, số 01 Công Trường Quốc Tế, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh chúng tôi gồm:

BÊN A: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN:

Ông: Đặng Đức Hiền

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.

Giấy ủy quyền: Số 8409/GUQ-TCT-KDDVKH ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH:

Ông: Nguyễn Hoài Nam

Chức vụ: Giám đốc làm đại diện.

Cùng thỏa thuận về một số vấn đề liên quan đến Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2026 giữa hai bên như sau:

Hai bên thống nhất Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2026 sẽ thực hiện việc mua bán sỉ nước sạch qua đồng hồ tổng. Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch qua đồng hồ tổng sẽ thực hiện theo các nội dung và nguyên tắc sau:

I./ VỀ NỘI DUNG CỦA HỢP ĐỒNG:

Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch qua đồng hồ tổng sẽ bao gồm các điều khoản sau:

- Khối lượng nước mua bán.
- Ghi nhận, tính toán khối lượng nước.
- Chất lượng nước sạch.
- Đơn giá mua bán.
- Thanh toán.
- Các trường hợp ngưng cung cấp nước, ngưng tiếp nhận nước.
- Trách nhiệm của các bên.
- Các trường hợp bất khả kháng.
- Thời hạn thực hiện hợp đồng.
- Điều khoản chung.

II./ NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH KHỐI LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN:

1. Khối lượng nước mua bán:

Khối lượng nước mua bán là lượng nước thực vào địa bàn của Bên B được xác định mỗi kỳ 01 lần vào ngày 25 của mỗi tháng thông qua việc đọc số tại hiện trường và/hoặc thông qua bộ ghi nhận và truyền dữ liệu (Data logger) của các đồng hồ tổng nguồn, các đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ nước khách hàng được xem là đồng hồ tổng, trong đó có giảm trừ lượng nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A.

2. Xác định khối lượng nước mua bán:

2.1 Thiết bị đo đếm:

Khối lượng nước mua bán sỉ hàng kỳ được ghi nhận qua hệ thống đồng hồ tổng, được phân thành 03 loại: Đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và

đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Trong hợp đồng mua bán sỉ nước sạch gọi chung 03 loại này là đồng hồ tổng, được định nghĩa và hiểu như sau:

- Đồng hồ tổng nguồn: là các đồng hồ ghi nhận khối lượng nước đi vào hoặc đi ra mạng lưới đường ống của Bên B (Phụ lục).
- Đồng hồ tổng tách mạng: là các đồng hồ ghi nhận khối lượng nước qua lại giữa Bên B và Bên thứ ba có hợp đồng mua sỉ nước sạch của Bên A (Phụ lục).
- Đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng: là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, được khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên B, chưa được ghi nhận qua đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng (Phụ lục đính kèm).

2.2 Cách tính lượng nước mua bán sỉ:

a. Trường hợp đồng hồ tổng hoạt động bình thường:

Lượng nước mua bán sỉ được xác định:

$$Q = \sum_i^n Q_i - \text{Lượng nước giảm trừ}$$

Với: Q_i : là lượng nước các đồng hồ tổng (cả 03 loại) ghi nhận được trong thời gian mua bán sỉ.

Lượng nước giảm trừ được xác định khi xảy ra các trường hợp xuất hiện xì, bể ống cấp 1 và cấp 2 tại vị trí sau đồng hồ tổng thuộc tài sản của Bên A hoặc có yêu cầu súc xả nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A. Khi đó hai bên sẽ cùng tiến hành ghi nhận làm cơ sở cho việc tính toán khối lượng nước mua bán.

b. Trường hợp đồng hồ tổng đo đếm có sự cố:

Hai bên thống nhất bổ sung quy trình xử lý, các trường hợp tính trung bình và quy tắc ứng xử trong các trường hợp đồng hồ tổng gặp sự cố, nghi ngờ tính chính xác của đồng hồ tổng như sau:

❖ Quy trình xử lý các đồng hồ tổng gặp sự cố được thực hiện như sau:

Trong trường hợp có đồng hồ tổng có chỉ số khối lượng bất thường do các sự cố như đồng hồ hư hỏng, dữ liệu của bộ ghi nhận dữ liệu không liên tục hoặc lệch với chỉ số đồng hồ, hoặc do hết pin ... thì thực hiện theo quy trình sau:

- + Bên A ghi nhận hoặc tiếp nhận thông tin đồng hồ tổng khi có sự bất thường về chỉ số và hư hỏng trong quá trình quản lý hoặc do Bên B phản ánh.

- + Trong thời gian không quá 02 ngày, Bên A sẽ thông báo cho các đơn vị liên quan kiểm tra, đánh giá xác nhận tình trạng đồng hồ tổng tại hiện trường và đưa ra hướng xử lý.
- + Bên A sẽ lên kế hoạch triển khai và thực hiện công tác khắc phục sự cố từng trường hợp như sau:

Trường hợp đồng hồ hoặc bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị sự cố có thể khắc phục tại hiện trường (thay pin, thay nối dây tín hiệu, thay bộ hiển thị, đầu nối tiếp đất ...) thì Bên A sẽ xử lý, khắc phục trong vòng 03 ngày làm việc và có sự chứng kiến, ký biên bản xác nhận của các bên liên quan.

Trường hợp đồng hồ tổng gặp sự cố không khắc phục được tại hiện trường, Bên A sẽ phối hợp các đơn vị liên quan thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ đã được kiểm định trong vòng 07 ngày, đồng thời niêm phong đồng hồ hiện hữu, đem kiểm định tại cơ quan có chức năng có thẩm quyền để xác định tình trạng đồng hồ trên (biên bản niêm phong phải có xác nhận của các bên).

❖ Các trường hợp tính trung bình lượng nước cung cấp và bán sỉ trong thời gian đồng hồ tổng hư hỏng hoặc không có đồng hồ đo đếm:

- + ***Trường hợp 1: đồng hồ tổng bị hư hỏng, sự cố nhiều nhất 10 ngày trong cùng kỳ.***

Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày đồng hồ tổng gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân theo những ngày còn lại trong kỳ.

- + ***Trường hợp 2: đồng hồ tổng bị hư hỏng, sự cố nhiều hơn 10 ngày.***

Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày đồng hồ tổng gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân ngày theo 03 kỳ đầy đủ, đã thống nhất khối lượng trước đó (không sử dụng Kỳ có ngày Tết âm lịch để tính).

Trong trường hợp không đủ khối lượng ổn định liên tục 03 kỳ thì tính khối lượng bình quân cho những ngày đồng hồ gặp sự cố bằng khối lượng bình quân theo số ngày thực tế đồng hồ tổng ghi nhận trước đó nhưng không ít hơn 10 ngày liên tục.

- + ***Trường hợp 3: đồng hồ tổng mới lắp đặt bị sự cố (không có dữ liệu tại các thời điểm trước đó).***

Đồng hồ tổng có dữ liệu ít nhất 10 ngày liên tục được tính như Mục 2 của Trường hợp 2.

Đồng hồ tổng có dữ liệu ít hơn 10 ngày, khối lượng tạm tính bằng không. Sau khi đồng hồ tổng được thay thế hoặc khắc phục sẽ sử dụng khối lượng trung bình của 10 ngày liên tục sau khi hoạt động để tính toán lại khối lượng cho thời gian các ngày tạm tính.

Bên A sẽ nhanh chóng lên kế hoạch và khắc phục sự cố như mục 3 của Quy trình xử lý các đồng hồ tổng gặp sự cố nêu trên.

+ ***Trường hợp 4: đồng hồ tổng gặp sự cố, hư hỏng hoặc hoạt động không ổn định rơi vào những ngày lễ, tết***

Khối lượng tiêu thụ vào những ngày này có thể thấp hoặc cao hơn so với ngày thường. Tính lượng nước bình quân trong thời gian đồng hồ tổng xảy ra sự cố vào dịp lễ, tết sẽ tính theo “hệ số K”.

Khối lượng tính bình quân ngày cho thời gian đồng hồ tổng hư hỏng = K x khối lượng bình quân ngày theo Trường hợp 1 hoặc Trường hợp 2.

$$K = \frac{\text{Khối lượng bình quân các ngày lễ tết của năm trước tương ứng với các ngày cần tính trung bình}}{\text{Khối lượng bình quân 10 ngày trước khi đồng hồ bị hư tương ứng của năm trước}}$$

+ ***Trường hợp 5: đồng hồ tổng hoạt động bình thường, bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị hư hỏng và không có chỉ số đọc trên bộ hiển thị đầu kỳ:***

Bị sự cố nhiều nhất 10 ngày trong cùng kỳ: Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày bộ ghi nhận và truyền dữ liệu gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân theo những ngày còn lại trong kỳ.

Bị sự cố trên 10 ngày trong cùng kỳ: Tính toán khối lượng bằng khối lượng bình quân ngày theo 03 kỳ đã thống nhất khối lượng trước đó (không sử dụng Kỳ có ngày Tết âm lịch để tính).

+ ***Trường hợp 6: đồng hồ tổng mới thay thế có khối lượng bình quân ngày chênh lệch bất thường so với dữ liệu khối lượng bình quân ngày quá khứ:***

Đồng hồ tổng sau khi được thay thế (đảm bảo yêu cầu pháp lý kỹ thuật). Bên A sẽ theo dõi khối lượng và xử lý chênh lệch bất thường so với dữ

lượng khối lượng bình quân ngày quá khứ. Khi đó khối lượng sẽ được tạm tính theo Trường hợp 2.

Trường hợp này Bên B cung cấp dữ liệu các đồng hồ DMA và đồng hồ khách hàng (nếu có) khu vực lân cận (do đồng hồ tổng này cung cấp) cho Bên A, cùng phối hợp xử lý phân tích dữ liệu, đưa ra hướng giải quyết khắc phục sự cố của đồng hồ tổng.

Trường hợp giải quyết theo phương án: thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ khác (hoặc sửa chữa) thì sử dụng khối lượng trung bình của 10 ngày liên tục sau khi hoạt động để tính toán lại khối lượng cho thời gian tạm tính.

❖ Quy tắc ứng xử khi có nghi ngờ về độ chính xác của đồng hồ tổng:

- + Khi Bên B nghi ngờ độ chính xác của các đồng hồ tổng thì có quyền yêu cầu Bên A thực hiện việc kiểm tra đồng hồ thông qua văn bản chính thức.
- + Sau khi nhận được yêu cầu kiểm tra đồng hồ nghi ngờ, Bên A sẽ thực hiện kiểm tra bằng các thiết bị kiểm tra tại hiện trường với sự chứng kiến của các bên.
- + Trong trường hợp Bên B yêu cầu phải có kiểm tra của cơ quan chức năng có thẩm quyền, Bên A sẽ thực hiện tháo gỡ, thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ đã kiểm định tại vị trí này trong thời gian ngắn nhất. Đồng hồ bị nghi ngờ độ chính xác sẽ được niêm phong mang đi kiểm định tại cơ quan chức năng có thẩm quyền.
- + Lượng nước mua bán sỉ trong thời gian từ khi Bên B yêu cầu kiểm tra đến khi thay đồng hồ đã được kiểm định sẽ được tạm tính theo trường hợp quy định tại Trường hợp 2.
- + Sau khi có kết quả kiểm định, căn cứ vào kết quả:

Trường hợp đồng hồ có kết quả kiểm định có độ chính xác trong giới hạn cho phép: tất cả các chi phí liên quan bao gồm phí kiểm định, chi phí tháo dỡ, lắp đặt đồng hồ và các chi phí liên quan khác sẽ do Bên B chịu trách nhiệm chi trả.

Trường hợp đồng hồ có kết quả kiểm định có độ chính xác vượt giới hạn cho phép: Bên A sẽ chịu trách nhiệm chi trả tất cả chi phí liên quan.

Lượng nước đã tạm tính ở mục 4 của Quy tắc ứng xử khi có nghi ngờ về độ chính xác của đồng hồ tổng sẽ được so sánh khối lượng đo đếm thực tế 10 ngày liên tục sau khi hoạt động của đồng hồ đã kiểm định để truy thu hoặc giảm trừ.

2.3 Công tác đọc số đồng hồ tổng:

Hàng kỳ, 02 bên cử đại diện để tiến hành ghi nhận chỉ số tiêu thụ và lập biên bản ghi nhận chỉ số tiêu thụ đồng hồ tổng. Việc phối hợp thực hiện như sau:

- Đối với đồng hồ tổng nguồn và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng: Bên A và Bên B.
- Đồng hồ tổng tách mạng: Bên A, Bên B và Bên thứ ba có hợp đồng mua sỉ nước sạch của Bên A. Bên thứ ba sẽ được xác định trước và lập danh sách các đồng hồ tổng này để cùng tiến hành ghi nhận khối lượng nước mua bán.

2.4 Thời gian đọc số đồng hồ tổng:

Việc đọc số đồng hồ tổng được xác định vào ngày 25 hàng tháng.

Đối với đồng hồ tổng không có bộ ghi nhận dữ liệu, thời gian đọc chỉ số trên bộ hiển thị của đồng hồ tổng giữa 02 (hai) kỳ không được lệch quá 60 phút.

III./ VỀ ĐƠN GIÁ MUA BÁN:

1. Hai bên thống nhất xác định đơn giá hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2026 như sau:

$$GBS_{2026} = GBS_{2025} * (1 + \% \text{ Tốc độ tăng hoặc giảm thực tế giá bán lẻ bình quân})$$

Trong đó:

- GBS_{2025} : là đơn giá mua bán sỉ cho lượng nước khách hàng sử dụng khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên B năm 2025 tăng theo tốc độ tăng giá bán lẻ bình quân đạt được của năm 2025 so với năm 2024. Cụ thể là **7.455,49 đồng/m³**.
 - $\% \text{ Tốc độ tăng hoặc giảm thực tế giá bán lẻ bình quân}$: là tốc độ tăng hoặc giảm giá bán lẻ bình quân thực tế năm 2026 so với giá bán lẻ bình quân thực tế năm 2025.
2. Hai bên thống nhất Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2026 sẽ được tính theo đơn giá như sau: Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận tại đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng, đồng hồ khách hàng được

xem là đồng hồ tổng đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định (Phụ lục đính kèm) là **7.455,49 đồng/m³**. Đơn giá này sẽ được tính toán lại vào cuối năm theo nguyên tắc xác định đơn giá nêu trên.

3. Đơn giá mua bán trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
4. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, hai bên sẽ thương thảo, tính toán lại đơn giá cho phù hợp với tình hình thực tế.

IV./ VỀ THANH TOÁN:

- Hàng tháng Bên B sẽ thanh toán tiền mua bán sỉ nước sạch cho Bên A như sau:
 - + Đợt 1: Ngày 05 (năm) của tháng liền kề sau ngày hai bên ghi nhận khối lượng nước mua bán, Bên B thanh toán cho Bên A số tiền là 12.000.000.000 (mười hai tỷ) đồng.
 - + Đợt 2: Ngày 15 (mười lăm) của tháng liền kề sau ngày hai bên ghi nhận khối lượng nước mua bán, Bên B thanh toán hết cho Bên A số tiền còn lại.
- Trường hợp ngày thanh toán rơi vào ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ theo quy định thì ngày thanh toán được dời vào ngày liền kề sau đó.
- Thanh toán tiền mua bán sỉ nước sạch bằng hình thức chuyển khoản.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng mua bán sỉ nước sạch qua đồng hồ tổng, nếu có những phát sinh vượt dự kiến, hai bên sẽ cùng thương thảo để điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế.

Bản thỏa thuận này được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A

PHỤ LỤC DANH SÁCH ĐỒNG HỒ TỔNG

1. Đồng hồ tổng nguồn (outlet):

STT	Mã vị trí	Vị trí
1	sg1001	268 Tran Hung Dao - So Cong an TP
2	Sg1002	328 ter Tran Hung Dao (D300)
3	sg1003(đã lắp van)	243 CMT8 (Cafe Trung Nguyen)
4	Sg1003-3BT45	243 CMT8 - Tu Xuong (D300)
5	sg1004	Nguyen Binh Khiem - Nguyen Du (So thu)
6	sg1005	15 Pasteur
7	sg1007	6 Pasteur
8	sg1009	82 Ho Hao Hon
9	sg1010	Doi dien 252/72 Ly Chinh Thang
10	sg1016	Sai Gon Center
11	sg1017	Tran Hg Dao - Nguyen Thai Hoc
12	Sg1018	Vo thi Sau - Truong Dinh
13	sg1019	7 Nguyen Thi Minh Khai
14	sg1020	8B Nguyen T Minh Khai
15	sg1021	Goc Nguyen Binh Khiem - Nguyen T M Khai
16	sg1022	Nguyen.B.Khiem - Nguyen Dinh Chieu (1F03B)
17	sg1025	Le Thanh Ton - Hai Ba Trung
18	sg1026	Le Thanh Ton - Dong Khoi
19	sg1031	330 Tran Hung Dao (1G13A)
20	sg1032	Cho NanCy (1C12A)
21	sg1034	D.T.Hoang - V.T.Sau
22	sg1035	94 Pham Ngoc Thach
23	sg1037	Vo Thi Sau - Tran Quoc Thao
24	Sg1037-3G02	Ly Chinh Thang - 112 Tran Quoc Thao
25	sg1038	VTs - Nam Ky K Nghia (3F02B)
26	sg1041	Calmette - Nguyen Thai Binh
27	sg1043	Yersin - Tran Hung Dao
28	sg1044	Nguyen Thai Hoc - Tran Hung Dao
29	sg1045	NKKN - Nguyen Thai Binh (1H01B)
30	sg1048	Tran Quoc Toan – Huynh Tinh Cua (3H02)

STT	Mã vị trí	Vị trí
31	sg1049	Hai Ba Trung – Tran Quang Khai (1K01)
32	sg1050	Hai Ba Trung – Ba Le Chan (1K02B)
33	sg1051	Hai Ba Trung – Ly Chinh Thang (3H01)
34	sg1052	Le Thanh Ton – Ton Duc Thang
35	sg1053	Vo Van Tan – Truong Dinh
36	sg1054	Nguyen Thi Minh Khai – Ton That Tung
37	sg1055	Vo Van Tan – CMT8
38	sg1056	Nguyen Thi Minh Khai – Nguyen Huu Hieu
39	sg1058	191 Vo Van Tan (3E-12C)
40	sg1059	2A Nguyen Thien Thuat (3B-02)
41	sg1060	Cao Thang – Nguyen Thi Minh Khai (3E-12D)
42	sg1061	Cong Quynh – Nguyen Thi Minh Khai (1G-02A)
43	sg1062	Pham Viet Chanh – Nguyen Thi Minh Khai
44	sg1063	Cong Quynh – Nguyen Thi Minh Khai
45	sg1064	Vo Van Tan – Pasteur
46	sg1065	256 Pasteur
47	sg1066	Gan giao lo Pastuer – Dien Bien Phu
48	pt1001_3K01	Vong xoay Dan chu

2. Đồng hồ tổng tách mạng:

STT	Mã vị trí	Vị trí
49	pt2005	DBP - Cao Thang
50	cl2008	Nguyễn Trãi – Nguyễn Văn Cừ 1
51	cl2009	Nguyen Trai - Nguyen Van Cu 2
52	sg2003	Dien Bien Phu - Tran Minh Quyen (3A02)
53	Sg2005	Hem 166 Ly Thai To (3A02B)
54	Sg2006	Ly Thai To - Nguyen Dinh Chieu (3B01)(sg1067)
55	sg2025	Cau Tran Quan Dieu (3JQ2A)
56	Sg2027-3L11	656 CMT8 - Chan Hung (3L12)
57	sg2028	686/72/22 CMT8 (3T01)
58	Gd2010	2C Phan Dinh Phung
59	Nb2013	105D Ben Van Don - Vinh Khanh (huong Yersin) (D250)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2026

HỢP ĐỒNG MUA BÁN SỈ NƯỚC SẠCH

Số: _____/HĐ-TCT-KDDVKH

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Bản thỏa thuận ngày ... tháng ... năm 2026 về Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2026 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành;

Theo nhu cầu, khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm 2026, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV, số 01 Công Trường Quốc Tế, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

**BÊN A : TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN (Bên bán)**

Trụ sở chính: Số 01 Công trường Quốc tế, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 38 291 777 – 38 291 974.

Fax: (84.8) 38 241 644.

Tài khoản số: 622.043.110.110.0091 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh Chợ Lớn.

Hoặc tài khoản số: 0371000495179 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Định.

Mã số thuế: 0301129367

Do Ông: **Đặng Đức Hiền**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.

Giấy ủy quyền: Số 8409/GUQ-TCT-KDDVKH ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH (*Bên mua*)

Trụ sở chính : Số 194 Pasteur, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 38 297 147

Fax: (84.8) 38 229 778

Tài khoản số : 622.021.145.0011 tại Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Chợ Lớn – Chi nhánh Hòa Bình.

Hoặc tài khoản số: 046.100.0514782 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình Dương.

Mã số thuế : 0304789925

Do Ông : **Nguyễn Hoài Nam**

Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Thông nhất ký kết Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2026 theo các điều khoản sau:

Điều 1: Khối lượng nước mua bán.

1.1 Bên A bán và Bên B mua khối lượng nước được xác định hàng kỳ qua các đồng hồ tổng, bao gồm: đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Danh sách các đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng được nêu tại Phụ lục 1 của Hợp đồng này. Các đồng hồ tổng được định nghĩa như sau:

1.1.1 Đồng hồ tổng nguồn: là đồng hồ đo đếm khối lượng nước đi vào hoặc đi ra mạng lưới cấp nước của Bên B.

1.1.2 Đồng hồ tổng tách mạng: là đồng hồ đo đếm khối lượng nước qua lại giữa mạng lưới cấp nước của Bên B với Bên thứ ba có hợp đồng mua bán sỉ nước sạch với Bên A.

1.1.3 Đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng: là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, được khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên B, chưa được ghi nhận qua đồng hồ tổng được nêu tại Khoản 1.1.1, 1.1.2 của điều này.

1.2 Cân chỉnh và kiểm tra đồng hồ tổng:

- 1.2.1 Đồng hồ tổng phải đáp ứng các yêu cầu kiểm định theo quy định về đo lường của Nhà nước khi đưa vào sử dụng.
- 1.2.2 Định kỳ 05 (năm) năm một lần đối với đồng hồ cơ khí và định kỳ 03 (ba) năm một lần đối với đồng hồ điện tử, hai bên sẽ tiến hành kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng để đảm bảo đồng hồ tổng luôn trong tình trạng hoạt động tốt. Chi phí kiểm tra, cân chỉnh do Bên A chịu.
- 1.2.3 Trong trường hợp một hoặc hai bên có yêu cầu kiểm tra, cân chỉnh do nghi ngờ tính chính xác của đồng hồ tổng, thì hai bên sẽ cùng thực hiện hoặc thuê bên thứ ba có chức năng thực hiện việc kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng. Chi phí sẽ do bên yêu cầu chịu. Trong thời gian kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng thì Bên A sẽ thay thế bằng đồng hồ tổng khác để đo đếm lượng nước mua bán. Trường hợp không có đồng hồ tổng thay thế thì lượng nước mua bán sẽ được tính trung bình ngày của 03 (ba) kỳ liền kề trước đó.
- 1.2.4 Các kết quả kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng phải được lập thành văn bản có xác nhận của các bên tham gia.
- 1.2.5 Nếu đồng hồ tổng được xác định là sai, bên A sẽ thực hiện việc sửa chữa, thay thế trong thời gian sớm nhất.

1.3 Khối lượng nước mua bán trong một kỳ được xác định như Điều 2 của hợp đồng này.

1.4 Khối lượng nước tối thiểu mua bán trong một kỳ không nhỏ hơn **2.500.000 m³** (hai triệu năm trăm ngàn mét khối).

Trong trường hợp khối lượng nước mua bán nhỏ hơn lượng nước tối thiểu thì Bên B phải thanh toán cho Bên A tiền nước theo lượng nước tối thiểu được xác định ở trên, trừ trường hợp được nêu tại Điều 6, Điều 8 của hợp đồng này.

Điều 2: Ghi nhận, tính toán khối lượng nước mua bán.

2.1 Ghi nhận khối lượng nước mua bán:

- 2.1.1 Định kỳ vào ngày 25 hàng tháng, hai bên cử đại diện cùng tiến hành ghi nhận tại hiện trường và/hoặc thông qua bộ ghi nhận và truyền dữ liệu (Data logger) khối lượng nước mua bán trong một kỳ thông qua chỉ số tiêu thụ của các đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Trường hợp đối với đồng hồ tổng tách mạng, hai bên sẽ phối hợp cùng bên thứ ba có hợp đồng mua

sỉ nước sạch của bên A. Bên thứ ba và các đồng hồ tổng này được xác định trước và lập thành danh sách để tiến hành cùng ghi nhận khối lượng nước tiêu thụ.

Thời gian ghi nhận khối lượng nước mua bán thông qua số liệu của Data logger vào lúc 7h00 ngày 25 hàng tháng.

Đối với đồng hồ tổng không có bộ ghi nhận dữ liệu, khối lượng nước mua bán được tính theo chỉ số trên bộ hiển thị của đồng hồ tổng vào ngày 25 hàng tháng. Thời gian đọc chỉ số trên bộ hiển thị của đồng hồ tổng giữa 02 (hai) kỳ không được lệch quá 60 phút. Việc ghi nhận khối lượng nước mua bán phải được lập thành biên bản để làm cơ sở cho việc thanh toán tiền nước mua bán.

2.1.2 Khối lượng nước giảm trừ:

Khi xảy ra các trường hợp được nêu tại khoản 7.1.3, 7.2.3 Điều 7 thì căn cứ vào biên bản ghi nhận của hai bên để tính toán khối lượng nước mua bán trong kỳ.

Khối lượng nước giảm trừ được hai bên lập thành biên bản và thống nhất chậm nhất sau 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán được nêu tại Khoản 2.1.1 Điều 2. Sau thời gian này, nếu hai bên không thống nhất được thì khối lượng nước mua bán trong kỳ sẽ không tính khối lượng nước giảm trừ. Khối lượng nước giảm trừ sẽ tiếp tục được hai bên thống nhất vào kỳ mua bán kế tiếp.

2.1.3 Trường hợp các đồng hồ tổng gặp sự cố hư hỏng hoặc chạy bất thường, thì việc ghi nhận khối lượng nước được tính trung bình và/hoặc sẽ cùng thỏa thuận giữa các bên. Cách thực hiện được nêu tại Phụ lục 5 của hợp đồng này.

2.2 Tính toán khối lượng nước mua bán:

Khối lượng nước mua bán giữa hai bên là tổng khối lượng nước được ghi nhận theo quy định tại Khoản 2.1 của điều này.

Điều 3: Chất lượng nước sạch:

3.1 Chất lượng nước mua bán giữa hai bên đạt tiêu chuẩn theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt, QCVN 01-1:2024/BYT ban hành kèm theo Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Y tế. Các chỉ tiêu và thông số về chất lượng nước mua bán được nêu tại Phụ lục 2 của hợp đồng này. Vị trí lấy mẫu nước để kiểm nghiệm chất lượng nước theo danh sách được nêu tại Phụ

lục 1 của hợp đồng này. Đối với chất lượng nước kiểm nghiệm hàng tháng, các chỉ tiêu, giới hạn thông số áp dụng theo Điều 4 Chương II của QCVN 01-1:2024/BYT và tần suất thực hiện các chỉ tiêu được áp dụng theo Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Trường hợp quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch được ban hành, chất lượng nước mua bán giữa hai bên sẽ áp dụng theo quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch.

3.2 Xác định vùng trách nhiệm về chất lượng nước:

3.2.1 Trách nhiệm của Bên A:

Bên A có trách nhiệm đảm bảo chất lượng nước mua bán đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 từ nhà máy của Bên A và/hoặc Nhà máy của các đơn vị khác mà Bên A có hợp đồng mua sỉ nước sạch đến vị trí lắp đặt đồng hồ tổng nguồn và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng.

3.2.2 Trách nhiệm của Bên B:

Bên B có trách nhiệm đảm bảo chất lượng nước mua bán đạt theo quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 từ vị trí sau đồng hồ tổng nguồn đến đến đồng hồ tổng tách mạng và từ vị trí sau đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng.

3.3 Kiểm nghiệm chất lượng nước mua bán:

3.3.1 Hàng tháng, Bên A và Bên B sẽ lấy 10 (mười) mẫu nước tại vị trí các đồng hồ tổng đã chọn trước được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng này để tiến hành kiểm nghiệm hoặc gửi đến một đơn vị có chức năng kiểm nghiệm để kiểm nghiệm các chỉ tiêu theo quy định. Kết quả kiểm nghiệm là cơ sở để hai bên phân định trách nhiệm về chất lượng nước mua bán giữa hai bên. Chi phí kiểm nghiệm do Bên A chịu.

3.3.2 Bên B có quyền yêu cầu một đơn vị có chức năng kiểm nghiệm tiến hành lấy mẫu nước tại vị trí được quy định tại Khoản 3.3.1 của điều này để kiểm nghiệm đối chiếu kết quả kiểm nghiệm chất lượng nước do Bên A thực hiện. Chi phí kiểm nghiệm này do Bên B chịu.

3.3.3 Nếu có xảy ra phản ánh của khách hàng sử dụng nước về chất lượng nước thì hai bên cùng tiến hành kiểm tra, tìm nguyên nhân. Nếu lỗi thuộc về bên nào thì bên đó chịu chi phí kiểm nghiệm và thực hiện theo Điểm 7.3.1 Khoản 7.3 Điều 7 của hợp đồng này.

Điều 4: Đơn giá mua bán

- 4.1 Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận thông qua các đồng hồ tổng nêu tại Khoản 1.1.1, 1.1.2, 1.1.3 Điều 1 của hợp đồng này là **7.455,49 đồng/m³**.
- 4.2 Đơn giá nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
- 4.3 Trong thời gian thực hiện hợp đồng, hai bên sẽ thương thảo, tính toán lại đơn giá cho phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 5: Thanh toán.

5.1 Hàng tháng Bên B thực hiện thanh toán tiền mua bán sử dụng nước sạch như sau:

- 5.1.1 Sau ngày hai bên đã ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại Điều 2 của hợp đồng này thì vào ngày 05 (năm) của tháng liền sau đó Bên B phải thanh toán 12.000.000.000 (mười hai tỷ) đồng cho Bên A.
- 5.1.2 Sau ngày hai bên đã ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại Điều 2 của hợp đồng này thì vào ngày 15 (mười lăm) của tháng liền sau đó Bên B phải thanh toán dứt điểm số tiền còn lại cho Bên A.
- 5.1.3 Việc thanh toán được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản. Nếu ngày thanh toán được nêu tại khoản 5.1.1, 5.1.2 rơi vào ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ theo quy định thì ngày thanh toán được dời vào ngày liền kề sau đó.

5.2 Trường hợp bên B chậm thanh toán như quy định tại Khoản 5.1 của điều này thì phải chịu thêm lãi suất vay quá hạn hiện hành của Ngân hàng cho số tiền chậm thanh toán.

5.3 Hàng tháng, Bên A gửi cho Bên B bộ hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Biên bản ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại khoản 2.1 Điều 2 của hợp đồng này (Phụ lục 3).
- Thông báo số tiền phải thanh toán (Phụ lục 4).
- Bảng kết quả kiểm nghiệm.
- Hóa đơn bán sử.

Điều 6: Các trường hợp ngưng cung cấp nước, ngưng tiếp nhận nước

6.1 Bên A ngưng cung cấp nước khi xảy ra một hoặc các trường hợp sau:

- 6.1.1 Theo kế hoạch sửa chữa định kỳ, nhưng không quá 24 giờ một lần. Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B biết trước ít nhất 07 (bảy) ngày.

- 6.1.2 Do các sự cố lớn tại các nhà máy của Bên A và/ hoặc nguồn nước của Bên A và của các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua. Khi có sự cố xảy ra, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.
- 6.1.3 Do các sự cố lớn trên hệ thống ống truyền dẫn của Bên A. Khi có sự cố xảy ra, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.
- 6.1.4 Do các trường hợp bất khả kháng như được nêu tại Điều 8 của hợp đồng này. Khi xảy ra các trường hợp bất khả kháng, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.
- 6.2 Bên B ngưng tiếp nhận nước khi xảy ra một hoặc các trường hợp sau:
 - 6.2.1 Bên A không thực hiện việc kiểm nghiệm nước sạch được quy định tại Khoản 3.3.1 Điều 3 của hợp đồng này.
 - 6.2.2 Chất lượng nước mua bán không đạt tiêu chuẩn như quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này.
 - 6.2.3 Thực hiện công tác sửa chữa, cải tạo hệ thống cấp nước theo kế hoạch. Trong trường hợp này Bên B phải thông báo cho Bên A biết trước ít nhất 02 (hai) ngày.
 - 6.2.4 Khi có sự cố hư hỏng đột xuất hệ thống cấp nước của Bên B mà có thể làm gián đoạn việc tiếp nhận nước từ bên A. Trong trường hợp này Bên B phải thông báo ngay khi phát hiện sự cố cho Bên A biết.

Điều 7: Trách nhiệm của các bên.

7.1 Trách nhiệm của Bên A:

- 7.1.1 Đảm bảo cung cấp nguồn nước liên tục và đạt tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này, trừ các trường hợp bất khả kháng nêu tại Điều 8.
- 7.1.2 Giải quyết nhanh chóng, kịp thời các sự cố hư hỏng trong phạm vi tài khối của mình.
- 7.1.3 Thông báo và phối hợp cùng Bên B ghi nhận, tính toán để giảm trừ khối lượng nước mua bán khi xuất hiện xì, bể ống cấp 1 và cấp 2 tại vị trí sau đồng hồ tổng thuộc tài khối của Bên A và/hoặc có yêu cầu xúc xả nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A.
- 7.1.4 Hỗ trợ Bên B khắc phục các sự cố vượt ngoài khả năng của Bên B (khi có yêu cầu).

7.1.5 In hóa đơn tiền nước cho Bên B theo tiến độ đọc số và thu tiền đã được thỏa thuận.

7.1.6 Làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước, với các phương tiện thông tin đại chúng, với nhân dân về các vấn đề có liên quan đến quy định, cơ chế, chính sách, ... trong việc cung cấp và sử dụng nước sạch có tầm ảnh hưởng đến hoạt động của Bên A.

7.2 Trách nhiệm của Bên B:

7.2.1 Thanh toán tiền nước đầy đủ, đúng hạn được quy định tại Điều 5 của hợp đồng này.

7.2.2 Đảm bảo chất lượng nước cung cấp cho khách hàng sử dụng nước đạt theo tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này.

7.2.3 Thông báo và phối hợp với Bên A ghi nhận các sự cố xì, bể ống cấp 1 và cấp 2 tại vị trí sau đồng hồ tổng thuộc tài khối của Bên A và/hoặc có yêu cầu súc xả nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A để cùng tiến hành tính toán khối lượng nước mua bán được giảm trừ.

7.2.4 Phối hợp, hỗ trợ với bên thứ ba có sử dụng chung nguồn nước do bên A cung cấp trong việc cung cấp nước sạch. Thông báo cho Bên A các trường hợp tạm ngưng tiếp nhận nước khi tiến hành sửa chữa hệ thống mạng lưới phân phối của mình, đặc biệt khi việc tạm ngưng tiếp nhận nước này làm ảnh hưởng đến việc cung cấp nước của Bên thứ ba có hợp đồng mua bán sử dụng nước sạch với Bên A.

7.2.5 Phối hợp với Bên A trong việc xử lý, khắc phục các sự cố cấp nước trong trường hợp các sự cố này xảy ra trên diện rộng, vượt phạm vi quản lý của Bên B.

7.2.6 Làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước, với các phương tiện thông tin đại chúng, với nhân dân về các vấn đề có liên quan đến quy định, cơ chế, chính sách, ... trong việc cung cấp và sử dụng nước sạch trên địa bàn của Bên B.

7.3 Trách nhiệm chung của hai bên:

7.3.1 Tìm nguyên nhân về chất lượng nước khi có phản ánh của khách hàng. Nếu lỗi thuộc về bên nào thì bên đó có trách nhiệm giải quyết, bồi thường (nếu có).

7.3.2 Thực hiện theo các quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về cung cấp nước, sử dụng nước và các văn bản pháp lý khác của Nhà nước có liên quan đến vấn đề cung cấp và sử dụng nước.

Điều 8: Các trường hợp bất khả kháng.

- 8.1 Trường hợp bất khả kháng là những sự kiện, hoàn cảnh được liệt kê dưới đây khi xảy ra nằm ngoài dự kiến và tầm kiểm soát của ít nhất một trong hai bên và bên gặp trường hợp bất khả kháng đã làm hết trách nhiệm của mình mà vẫn không ngăn chặn được như:
- Chiến tranh, thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn.
 - Khủng bố, bạo động, phá hoại có tính chất tội phạm.
 - Nguồn điện cung cấp cho Bên A bị ngừng hoặc cung cấp không đảm bảo cho hoạt động khởi xuất tại trạm bơm nước thô và nhà máy nước của Bên A và/hoặc các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua nước sạch.
 - Nước thô để khởi xuất nước sạch tại các nhà máy nước của Bên A và/hoặc tại các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua nước sạch không đủ hoặc nguồn nước thô này có chất lượng thấp đến mức không thể xử lý được thành nước sạch đủ tiêu chuẩn như quy định.
 - Những tác động không lường trước như: các đơn vị thi công cầu, đường làm hư hỏng hệ thống tuyến ống truyền tải của Bên A.
- 8.2 Trong các trường hợp bất khả kháng được nêu trên, bên gặp trường hợp bất khả kháng phải gửi thông báo đến bên kia trong thời gian sớm nhất và hai bên sẽ cùng hợp tác nhanh chóng khắc phục hậu quả để tiếp tục ngay việc mua bán, cung cấp nước sạch trong thời gian sớm nhất. Nếu có thiệt hại phát sinh thì thiệt hại thuộc phạm vi quản lý của bên nào bên đó tự chịu trách nhiệm giải quyết.
- 8.3 Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên gặp trường hợp bất khả kháng được xem như không vi phạm đối với việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng trong thời gian và phạm vi ảnh hưởng do trường hợp bất khả kháng gây ra.

Điều 9: Thời hạn thực hiện hợp đồng.

- 9.1 Hợp đồng này thực hiện việc mua bán lượng nước từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2026.
- 9.2 Trước khi hợp đồng hết thời hạn, hai bên sẽ cùng thương thảo ký kết hợp đồng mới.
- 9.3 Hợp đồng này tự thanh lý khi hai bên hoàn thành trách nhiệm nêu tại Điều 7 của hợp đồng.

Điều 10: Điều khoản chung.

- 10.1 Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo quy định trong hợp đồng này và theo quy định của pháp luật. Các bất đồng ý kiến phát sinh

trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được hai bên bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác và tôn trọng quyền lợi của nhau.

- 10.2 Trong thời gian thực hiện hợp đồng này, những vấn đề phát sinh (nếu có) làm ảnh hưởng đến quyền lợi của một hoặc hai bên, thì sẽ được hai bên ghi nhận, nghiên cứu để đưa vào thực hiện trong hợp đồng kế tiếp.
- 10.3 Tranh chấp giữa các bên nếu không tự giải quyết được thì sẽ do Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết. Hai bên phải tuân thủ theo phán quyết có hiệu lực của Tòa.
- 10.4 Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của hợp đồng này phải được sự thống nhất của hai bên và phải được thể hiện bằng văn bản.
- Hợp đồng này được lập thành 08 (tám) bản, mỗi bên giữ 04 (bốn) bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A

PHỤ LỤC 1
DANH SÁCH ĐỒNG HỒ TỔNG

1. Đồng hồ tổng nguồn (outlet):

STT	Mã vị trí	Vị trí
1	sg1001	268 Tran Hung Dao - So Cong an TP
2	Sg1002	328 ter Tran Hung Dao (D300)
3	sg1003(đã lắp van)	243 CMT8 (Cafe Trung Nguyen)
4	Sg1003-3BT45	243 CMT8 - Tu Xuong (D300)
5	sg1004	Nguyen Binh Khiem - Nguyen Du (So thu)
6	sg1005	15 Pasteur
7	sg1007	6 Pasteur
8	sg1009	82 Ho Hao Hon
9	sg1010	Doi dien 252/72 Ly Chinh Thang
10	sg1016	Sai Gon Center
11	sg1017	Tran Hg Dao - Nguyen Thai Hoc
12	Sg1018	Vo thi Sau - Truong Dinh
13	sg1019	7 Nguyen Thi Minh Khai
14	sg1020	8B Nguyen T Minh Khai
15	sg1021	Goc Nguyen Binh Khiem - Nguyen T M Khai
16	sg1022	Nguyen.B.Khiem - Nguyen Dinh Chieu (1F03B)
17	sg1025	Le Thanh Ton - Hai Ba Trung
18	sg1026	Le Thanh Ton - Dong Khoi
19	sg1031	330 Tran Hung Dao (1G13A)
20	sg1032	Cho NanCy (1C12A)
21	sg1034	D.T.Hoang - V.T.Sau
22	sg1035	94 Pham Ngoc Thach
23	sg1037	Vo Thi Sau - Tran Quoc Thao
24	Sg1037-3G02	Ly Chinh Thang - 112 Tran Quoc Thao
25	sg1038	VTs - Nam Ky K Nghia (3F02B)
26	sg1041	Calmette - Nguyen Thai Binh
27	sg1043	Yersin - Tran Hung Dao
28	sg1044	Nguyen Thai Hoc - Tran Hung Dao
29	sg1045	NKKN - Nguyen Thai Binh (1H01B)
30	sg1048	Tran Quoc Toan – Huynh Tinh Cua (3H02)
31	sg1049	Hai Ba Trung – Tran Quang Khai (1K01)

STT	Mã vị trí	Vị trí
32	sg1050	Hai Ba Trung – Ba Le Chan (1K02B)
33	sg1051	Hai Ba Trung – Ly Chinh Thang (3H01)
34	sg1052	Le Thanh Ton – Ton Duc Thang
35	sg1053	Vo Van Tan – Truong Dinh
36	sg1054	Nguyen Thi Minh Khai – Ton That Tung
37	sg1055	Vo Van Tan – CMT8
38	sg1056	Nguyen Thi Minh Khai – Nguyen Huu Hieu
39	sg1058	191 Vo Van Tan (3E-12C)
40	sg1059	2A Nguyen Thien Thuat (3B-02)
41	sg1060	Cao Thang – Nguyen Thi Minh Khai (3E-12D)
42	sg1061	Cong Quynh – Nguyen Thi Minh Khai (1G-02A)
43	sg1062	Pham Viet Chanh – Nguyen Thi Minh Khai
44	sg1063	Cong Quynh – Nguyen Thi Minh Khai
45	sg1064	Vo Van Tan – Pasteur
46	sg1065	256 Pasteur
47	sg1066	Gan giao lo Pastuer – Dien Bien Phu
48	pt1001_3K01	Vong xoay Dan chu

2. Đồng hồ tổng tách mạng:

STT	Mã vị trí	Vị trí
49	pt2005	DBP - Cao Thang
50	cl2008	Nguyễn Trãi – Nguyễn Văn Cừ 1
51	cl2009	Nguyen Trai - Nguyen Van Cu 2
52	sg2003	Dien Bien Phu - Tran Minh Quyen (3A02)
53	Sg2005	Hem 166 Ly Thai To (3A02B)
54	Sg2006	Ly Thai To - Nguyen Dinh Chieu (3B01)(sg1067)
55	sg2025	Cau Tran Quan Dieu (3JQ2A)
56	Sg2027-3L11	656 CMT8 - Chan Hung (3L12)
57	sg2028	686/72/22 CMT8 (3T01)
58	Gd2010	2C Phan Dinh Phung
59	Nb2013	105D Ben Van Don - Vinh Khanh (huong Yersin) (D250)

PHỤ LỤC 2: TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt, QCVN 01-1:2024/BYT

được ban hành kèm Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Y tế

CÁC THÔNG SỐ VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH VÀ NGƯỠNG GIỚI HẠN CHO PHÉP:

TT	Tên thông số	Đơn vị tính	Ngưỡng giới hạn cho phép
Các thông số nhóm A			
	<i>a. Thông số vi sinh vật</i>		
1	Coliform tổng số	CFU/100 ML hoặc MPN/100mL	< 1
2	<i>E. coli</i> hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL hoặc MPN/100mL	< 1
	<i>b. Thông số cảm quan và hoá học</i>		
3	Màu sắc	TCU	15
4	Mùi(*)	-	Không có mùi lạ
5	pH(*)	-	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục	NTU	2
7	Asen (Arsenic) (As)	mg/L	0,01
8	Clo dư tự do(*)	mg/L	Trong khoảng 0,2-1,0
9	Permanganat	mg/L	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	1
Các thông số nhóm B			
	<i>a. Thông số vi sinh vật</i>		
11	Trực khuẩn mủ xanh (<i>Pseudomonas aeruginosa</i>)	CFU/100mL	< 1
12	Tụ cầu vàng (<i>Staphylococcus aureus</i>)	CFU/100mL	< 1
	<i>b. Thông số hoá học</i>		
13	Antimon (Sb)	mg/L	0,02
14	Bari (Ba)	mg/L	1,3
15	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B)	mg/L	2,4
16	Cadmi (Cd)	mg/L	0,003
17	Chì (Plumbum) (Pb)	mg/L	0,01
18	Clorua (Chloride) (Cl ⁻)	mg/L	250 hoặc 300(**)
19	Chromi (Cr)	mg/L	0,05
20	Đồng (Cuprum) (Cu)	mg/L	1
21	Độ cứng, tính theo CaCO ₃	mg/L	300
22	Florua (Fluoride) (F ⁻)	mg/L	1,5
23	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/L	2
24	Mangan (Mn)	mg/L	0,1
25	Natri (Na)	mg/L	200
26	Nhôm (Aluminium) (Al)	mg/L	0,2
27	Nickel (Ni)	mg/L	0,07
28	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	11

29	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	mg/L	0,9
30	Sắt (Ferrum) (Fe)	mg/L	0,3
31	Seleni (Se)	mg/L	0,04
32	Sulfat (Sulfate) (SO_4^{2-})	mg/L	250
33	Sulfua (Sulfide) (S^{2-})	mg/L	0,05
34	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	0,001
35	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	1.000
36	Xyanua (Cyanide) (CN^-)	mg/L	0,05
<i>Nhóm Alkan Clo hóa</i>			
37	1,1,1 - Trichloroethane ($\text{C}_2\text{H}_3\text{Cl}_3$)	$\mu\text{g/L}$	2.000
38	1,2 - Dichloroethane ($\text{C}_2\text{H}_4\text{Cl}_2$)	$\mu\text{g/L}$	30
39	1,2 - Dichloroethene ($\text{C}_2\text{H}_2\text{Cl}_2$)	$\mu\text{g/L}$	50
40	Carbon tetrachloride (CCl_4)	$\mu\text{g/L}$	2
41	Dichloromethane (CH_2Cl_2)	$\mu\text{g/L}$	20
42	Tetrachloroethene (C_2Cl_4)	$\mu\text{g/L}$	40
43	Trichloroethene (C_2HCl_3)	$\mu\text{g/L}$	8
44	Vinyl chloride ($\text{C}_2\text{H}_3\text{Cl}$)	$\mu\text{g/L}$	0,3
<i>Nhóm Hydrocacbua thơm</i>			
45	Benzene (C_6H_6)	$\mu\text{g/L}$	10
46	Ethylbenzene (C_8H_{10})	$\mu\text{g/L}$	300
47	Pentachlorophenol ($\text{C}_6\text{HCl}_5\text{O}$)	$\mu\text{g/L}$	9
48	Styrene (C_8H_8)	$\mu\text{g/L}$	20
49	Toluene (C_7H_8)	$\mu\text{g/L}$	700
50	Xylene (C_8H_{10})	$\mu\text{g/L}$	500
<i>Nhóm Benzen Clo hóa</i>			
51	1,2 - Dichlorobenzene ($\text{C}_6\text{H}_4\text{Cl}_2$)	$\mu\text{g/L}$	1.000
52	Monochlorobenzene ($\text{C}_6\text{H}_5\text{Cl}$)	$\mu\text{g/L}$	300
53	Tổng Trichlorobenzene ($\text{C}_6\text{H}_3\text{Cl}_3$)	$\mu\text{g/L}$	20
<i>Nhóm chất hữu cơ phức tạp</i>			
54	Acrylamide ($\text{C}_3\text{H}_5\text{NO}$)	$\mu\text{g/L}$	0,5
55	Epichlorohydrin ($\text{C}_3\text{H}_5\text{ClO}$)	$\mu\text{g/L}$	0,4
56	Hexachlorobutadiene (C_4Cl_6)	$\mu\text{g/L}$	0,6
<i>Nhóm hóa chất bảo vệ thực vật</i>			
57	1,2- Dibromo - 3 chloropropane ($\text{C}_3\text{H}_5\text{Br}_2\text{Cl}$)	$\mu\text{g/L}$	1
58	1,2 - Dichloropropane ($\text{C}_3\text{H}_6\text{Cl}_2$)	$\mu\text{g/L}$	40
59	1,3- Dichloropropene ($\text{C}_3\text{H}_5\text{Cl}_2$)	$\mu\text{g/L}$	20
60	2,4-D ($\text{C}_8\text{H}_6\text{Cl}_2\text{O}_3$)	$\mu\text{g/L}$	30
61	2,4 - DB ($\text{C}_{10}\text{H}_{10}\text{Cl}_2\text{O}_3$)	$\mu\text{g/L}$	90
62	Alachlor ($\text{C}_{14}\text{H}_{20}\text{ClNO}_2$)	$\mu\text{g/L}$	20
63	Aldicarb ($\text{C}_7\text{H}_{14}\text{N}_2\text{O}_2\text{S}$)	$\mu\text{g/L}$	10
64	Atrazine ($\text{C}_8\text{H}_{14}\text{ClN}_5$) và các dẫn xuất chloro-s-triazine	$\mu\text{g/L}$	100
65	Carbofuran ($\text{C}_{12}\text{H}_{15}\text{NO}_3$)	$\mu\text{g/L}$	5

66	Chlorpyrifos ($C_9H_{11}Cl_3NO_3PS$)	$\mu g/L$	30
67	Chlordane ($C_{10}H_6Cl_8$)	$\mu g/L$	0,2
68	Chlorotoluron ($C_{10}H_{13}ClN_2O$)	$\mu g/L$	30
69	Cyanazine ($C_9H_{13}ClN_6$)	$\mu g/L$	0,6
70	DDT ($C_{14}H_9Cl_5$) và các dẫn xuất	$\mu g/L$	1
71	Dichlorprop ($C_9H_8Cl_2O_3$)	$\mu g/L$	100
72	Fenoprop ($C_9H_7Cl_3O_3$)	$\mu g/L$	9
73	Hydroxyatrazine ($C_8H_{15}N_5O$)	$\mu g/L$	200
74	Isoproturon ($C_{12}H_{18}N_2O$)	$\mu g/L$	9
75	MCPA ($C_9H_9ClO_3$)	$\mu g/L$	2
76	Mecoprop ($C_{10}H_{11}ClO_3$)	$\mu g/L$	10
77	Methoxychlor ($C_{16}H_{15}Cl_3O_2$)	$\mu g/L$	20
78	Molinate ($C_9H_{17}NOS$)	$\mu g/L$	6
79	Pendimethalin ($C_{13}H_{19}N_3O_4$)	$\mu g/L$	20
80	Permethrin ($C_{21}H_{20}Cl_2O_3$)	$\mu g/L$	20
81	Propanil ($C_9H_9Cl_2NO$)	$\mu g/L$	20
82	Simazine ($C_7H_{12}ClN_5$)	$\mu g/L$	2
83	Trifluralin ($C_{13}H_{16}F_3N_3O_4$)	$\mu g/L$	20
<i>Nhóm hóa chất khử trùng và sản phẩm phụ</i>			
84	2,4,6 - Trichlorophenol ($C_6H_2Cl_3OH$)	$\mu g/L$	200
85	Bromat (BrO_3^-)	$\mu g/L$	10
86	Formaldehyde (CH_2O)	$\mu g/L$	500
87	Monochloramine (NH_2Cl)	$\mu g/L$	3.000
<i>Nhóm Trihalomethane (THM)</i>			
88	Bromodichloromethane ($CHBrCl_2$)	$\mu g/L$	60
89	Bromoform ($CHBr_3$)	$\mu g/L$	100
90	Chloroform ($CHCl_3$)	$\mu g/L$	300
91	Dibromochloromethane ($CHBr_2Cl$)	$\mu g/L$	100
<i>Nhóm Halogenated acetonitrile</i>			
92	Dibromoacetonitrile (C_2HBr_2N)	$\mu g/L$	70
93	Dichloroacetonitrile (C_2HCl_2N)	$\mu g/L$	20
94	Trichloroacetonitrile (C_2Cl_3N)	$\mu g/L$	1
<i>Nhóm Haloacetic acid (HAA)</i>			
95	Acid monochloroacetic ($C_2H_3ClO_2$)	$\mu g/L$	20
96	Acid dichloroacetic ($C_2H_2Cl_2O_2$)	$\mu g/L$	50
97	Acid trichloroacetic ($C_2HCl_3O_2$)	$\mu g/L$	200
<i>c. Thông số nhiễm xạ</i>			
98	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	0,1
99	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	1,0

PHỤ LỤC 3: MẪU BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN SỈ CỦA CÔNG TY CPCN BẾN THÀNH KỲ .../...

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
XÍ NGHIỆP TRUYỀN DẪN NƯỚC SẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



Số : _____/BB-TDNS-QLĐHT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN SỈ CỦA CÔNG TY CPCN KỲ .../...

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm ..., tại Công ty Cổ phần Cấp nước

chúng tôi gồm:

Bên A: Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn

Ông/Bà: (Xí nghiệp Truyền dẫn Nước sạch)

Bên B: Công ty Cổ phần Cấp nước

Ông/Bà:

Cùng xác định lượng nước mua bán sỉ của kỳ .../... như sau:

Từ ngày .../.../... đến ngày .../.../... (... ngày)

I. LƯỢNG NƯỚC QUA ĐỒNG HỒ TỔNG (A)

a1. Lượng nước được ghi nhận tại các đồng hồ tổng nguồn được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (A1)

Stt	DMA	Vị trí	Chiều tách mạng	C/s kỳ trước (.../.../...)	C/s kỳ này (.../.../...)	Lượng nước qua đồng hồ (m ³)	Ghi chú
1							
2							
...	...	...					
CỘNG							

a2. Lượng nước được ghi nhận tại các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng, nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (A2)

Stt	DMA	Vị trí	Chiều tách mạng	C/s kỳ trước (.../.../...)	C/s kỳ này (.../.../...)	Lượng nước qua đồng hồ (m ³)	Ghi chú
1							
2							
...	...	...					
CỘNG							

a3. Lượng nước được ghi nhận tại các đồng hồ khách hàng khai thác trực tiếp trên tài khối Bên A, nêu tại Phụ lục 2 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (A3)

a3.1. Lượng nước được ghi nhận tại các đồng hồ khách hàng là đồng hồ sau đồng hồ tổng nguồn: (A3.1)

Stt	DMA	Vị trí	Chiều tách	C/s kỳ trước	C/s kỳ này	Lượng nước qua	Ghi chú
-----	-----	--------	------------	--------------	------------	----------------	---------

			mạng	(.../.../...)	(.../.../...)	đồng hồ (m ³)	
1							
2							
...	...	...					
CỘNG							

a3.2. Lượng nước được ghi nhận tại các đồng hồ khách hàng là đồng hồ tổng nguồn:
(A3.2)

Stt	DMA	Vị trí	Chiều tách mạng	C/s kỳ trước (.../.../...)	C/s kỳ này (.../.../...)	Lượng nước qua đồng hồ (m ³)	Ghi chú
1							
2							
...	...	...					
CỘNG							

II. LƯỢNG NƯỚC GIẢM TRỪ (nếu có) (B)

b1. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ tổng nguồn được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (B1)

Stt	Số biên bản Ngày phát hành	Nội dung giảm trừ	Đơn vị thi công	Lượng nước giảm trừ (m ³)	Ghi chú
1					
2					
...					

b2. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng, nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (B2)

Stt	Số biên bản Ngày phát hành	Nội dung giảm trừ	Đơn vị thi công	Lượng nước giảm trừ (m ³)	Ghi chú
1					
2					
...					

b3. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng (sau đồng hồ tổng nguồn hoặc là đồng hồ tổng nguồn), nêu tại Phụ lục 2 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (B3)

Stt	Số biên bản Ngày phát hành	Nội dung giảm trừ	Đơn vị thi công	Lượng nước giảm trừ (m ³)	Ghi chú
1					
2					
...					

III. LƯỢNG NƯỚC GIẢM TRỪ (CHƯA THỐNG NHẤT) (C)

c1. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ tổng nguồn được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (C1)

i. BÊN A

- a.
- b.

c.

Ý kiến đề nghị:

.....

ii. BÊN B

a.

b.

c.

Ý kiến đề nghị:

.....

c2. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng, nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (C2)

i. BÊN A

a.

b.

c.

Ý kiến đề nghị:

.....

ii. BÊN B

a.

b.

c.

c3. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng (sau đồng hồ tổng nguồn hoặc là đồng hồ tổng nguồn), nêu tại Phụ lục 2 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (C3)

i. BÊN A

a.

b.

c.

Ý kiến đề nghị:

.....

ii. BÊN B

a.

b.

c.

IV. TỔNG LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN SỈ

(A)	Lượng nước qua ĐHT (A1+A2+A3.2)		(m ³)
(A1)	Lượng nước qua các ĐH tổng nguồn nêu tại PL1		(m ³)

(A2)	Lượng nước qua ĐH khách hàng được xem là ĐHT nêu tại PL1		(m ³)
(A3)	Lượng nước qua ĐH khách hàng khai thác trực tiếp trên tài khối Bên A nêu tại PL2: (A3.1 + A3.2)		(m ³)
(A3.1)	Lượng nước qua các đồng hồ khách hàng là đồng hồ sau đồng hồ tổng nguồn		(m ³)
(A3.2)	Lượng nước qua các đồng hồ khách hàng là đồng hồ tổng nguồn		(m ³)
(B)	Lượng nước giảm trừ		(m ³)
(B1)	Lượng nước giảm trừ của các ĐH tổng nguồn nêu tại PL1		(m ³)
(B2)	Lượng nước giảm trừ của ĐH khách hàng được xem là ĐHT nêu tại PL1		(m ³)
(B3)	Lượng nước giảm trừ của các ĐH khách hàng được xem là đồng hồ tổng (sau đồng hồ tổng nguồn hoặc là đồng hồ tổng nguồn), nêu tại Phụ lục 2 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch:		(m ³)
(S _{PL1})	Lượng nước thanh toán qua các ĐHT nêu tại PL1: (A1) + (A2) – (A3.1) – (B1) – (B2)		(m³)
(S _{PL2})	Lượng nước thanh toán qua các ĐH khách hàng nêu tại PL2: (A3.1) + (A3.2) – (B3)		(m³)
	TỔNG CỘNG: (S_{PL1}) + (S_{PL2})		(m³)

Bên B

Công ty CPCN

Ban GNKDT

Giám đốc

Bên A

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN

Xí nghiệp truyền dẫn nước sạch

Đội QLĐHT

Giám đốc

Tổng Giám đốc

PHỤ LỤC 4: MẪU THÔNG BÁO SỐ TIỀN PHẢI THANH TOÁN

ỦY BAN NHÂN DÂN TP. HỒ CHÍ MINH
TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



Số : _____/TB-TCT-.....

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

**THÔNG BÁO SỐ TIỀN PHẢI THANH TOÁN
KHỐI LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN KỲ ... NĂM ...**

- Căn cứ hợp đồng mua bán si nước sạch số ... ngày ...
- Căn cứ Biên bản ghi nhận khối lượng nước mua bán kỳ ... năm ..., ngày ... giữa Tổng Công Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước

Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên thông báo số tiền Quý Công ty phải thanh toán cho khối lượng nước mua bán kỳnăm... như sau:

- Khối lượng nước mua bán: ... m³
- Đơn giá: ... đồng/m³.
- Thành tiền: ... đồng.
- Thuế giá trị gia tăng: đồng.
- **Tổng số tiền phải thanh toán: ... đồng.**

Đề nghị Quý Công ty thanh toán tiền nước mua si vào ngày __ tháng __ năm __.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- CTCPCN ...
- P.KTTC.
- P.KDDVKH.

**KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

PHỤ LỤC 5:
QUY TRÌNH XỬ LÝ, TRƯỜNG HỢP TÍNH TRUNG BÌNH
VÀ QUY TẮC ỨNG XỬ TRONG CÁC TRƯỜNG HỢP GẶP SỰ CỐ,
NGHI NGỜ TÍNH CHÍNH XÁC CỦA ĐỒNG HỒ TỔNG

1. Quy trình xử lý khi đồng hồ tổng có sự cố bất thường.

Trong trường hợp có đồng hồ tổng có chỉ số khối lượng bất thường do các sự cố như đồng hồ hư hỏng, dữ liệu của bộ ghi nhận dữ liệu không liên tục hoặc lệch với chỉ số đồng hồ, hoặc do hết pin ... thì thực hiện theo quy trình sau:

- 1.1.** Bên A ghi nhận hoặc tiếp nhận thông tin đồng hồ tổng khi có sự bất thường về chỉ số và hư hỏng trong quá trình quản lý hoặc do Bên B phản ánh.
- 1.2.** Trong thời gian không quá 02 ngày, Bên A sẽ thông báo cho các đơn vị liên quan kiểm tra, đánh giá xác nhận tình trạng đồng hồ tổng tại hiện trường và đưa ra hướng xử lý.
- 1.3.** Bên A sẽ lên kế hoạch triển khai và thực hiện công tác khắc phục sự cố từng trường hợp như sau:
 - 1.3.1.** Trường hợp đồng hồ hoặc bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị sự cố có thể khắc phục tại hiện trường (thay pin, thay nối dây tín hiệu, thay bộ hiển thị, đấu nối tiếp đất ...) thì Bên A sẽ xử lý, khắc phục trong vòng 03 ngày làm việc và có sự chứng kiến, ký biên bản xác nhận của các bên liên quan.
 - 1.3.2.** Trường hợp đồng hồ tổng gặp sự cố không khắc phục được tại hiện trường, Bên A sẽ phối hợp các đơn vị liên quan thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ đã được kiểm định trong vòng 07 ngày, đồng thời niêm phong đồng hồ hiện hữu, đem kiểm định tại cơ quan có chức năng có thẩm quyền để xác định tình trạng đồng hồ trên (biên bản niêm phong phải có xác nhận của các bên).

2. Các trường hợp tính bình quân lượng nước cung cấp và bán sỉ trong thời gian đồng hồ tổng hư hỏng hoặc không có đồng hồ đo đếm.

2.1. Trường hợp 1: đồng hồ tổng bị hư hỏng, sự cố nhiều nhất 10 ngày trong cùng kỳ.

Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày đồng hồ tổng gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân theo những ngày còn lại trong kỳ.

2.2. Trường hợp 2: đồng hồ tổng bị hư hỏng, sự cố nhiều hơn 10 ngày.

- 2.2.1.** Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày đồng hồ tổng gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân ngày theo 03 kỳ đầy đủ đã thống nhất khối lượng trước đó (không sử dụng Kỳ có ngày Tết âm lịch để tính).
- 2.2.2.** Trong trường hợp không đủ khối lượng ổn định liên tục 03 kỳ thì tính khối lượng bình quân cho những ngày đồng hồ gặp sự cố bằng khối lượng bình

quân theo số ngày thực tế đồng hồ tổng ghi nhận trước đó nhưng không ít hơn 10 ngày liên tục.

2.3. Trường hợp 3: đồng hồ tổng mới lắp đặt bị sự cố (không có dữ liệu tại các thời điểm trước đó).

- 2.3.1. Đồng hồ tổng có dữ liệu ít nhất 10 ngày liên tục được tính như Mục 2.2.2.
- 2.3.2. Đồng hồ tổng có dữ liệu ít hơn 10 ngày, khối lượng tạm tính bằng không. Sau khi đồng hồ tổng được thay thế hoặc khắc phục sẽ sử dụng khối lượng trung bình của 10 ngày liên tục sau khi hoạt động để tính toán lại khối lượng cho thời gian các ngày tạm tính.
- 2.3.3. Bên A sẽ nhanh chóng lên kế hoạch và khắc phục sự cố như mục 1.3 nêu trên.

2.4. Trường hợp 4: đồng hồ tổng gặp sự cố, hư hỏng hoặc hoạt động không ổn định rơi vào những ngày lễ, tết

- Khối lượng tiêu thụ vào những ngày này có thể thấp hoặc cao hơn so với ngày thường. Tính lượng nước bình quân trong thời gian đồng hồ tổng xảy ra sự cố vào dịp lễ, tết sẽ tính theo “hệ số K”.
- Khối lượng tính bình quân ngày cho thời gian đồng hồ tổng hư hỏng = K x khối lượng bình quân ngày theo mục 2.1 hoặc mục 2.2.

$$K = \frac{\text{Khối lượng bình quân các ngày lễ tết của năm trước tương ứng với các ngày cần tính trung bình}}{\text{Khối lượng bình quân 10 ngày trước khi đồng hồ bị hư tương ứng của năm trước}}$$

2.5. Trường hợp 5: đồng hồ tổng hoạt động bình thường, bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị hư hỏng và không có chỉ số đọc trên bộ hiển thị đầu kỳ:

- Bị sự cố nhiều nhất 10 ngày trong cùng kỳ: Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày bộ ghi nhận và truyền dữ liệu gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân theo những ngày còn lại trong kỳ.
- Bị sự cố trên 10 ngày trong cùng kỳ: Tính toán khối lượng bằng khối lượng bình quân ngày theo 03 kỳ đã thống nhất khối lượng trước đó (không sử dụng Kỳ có ngày Tết âm lịch để tính).

2.6. Trường hợp 6: đồng hồ tổng mới thay thế có khối lượng bình quân ngày chênh lệch bất thường so với dữ liệu khối lượng bình quân ngày quá khứ:

- Đồng hồ tổng sau khi được thay thế (đảm bảo yêu cầu pháp lý kỹ thuật). Bên A sẽ theo dõi khối lượng và xử lý chênh lệch bất thường so với dữ liệu khối lượng bình quân ngày quá khứ. Khi đó khối lượng sẽ được tạm tính theo mục 2.2.

- Trường hợp này Bên B cung cấp dữ liệu các đồng hồ DMA và đồng hồ khách hàng (nếu có) khu vực lân cận (do đồng hồ tổng này cung cấp) cho Bên A, cùng phối hợp xử lý phân tích dữ liệu, đưa ra hướng giải quyết khắc phục sự cố của đồng hồ tổng.
- Trường hợp giải quyết theo phương án thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ khác (hoặc sửa chữa) thì sử dụng khối lượng trung bình của 10 ngày liên tục sau khi hoạt động để tính toán lại khối lượng cho thời gian tạm tính.

3. Quy tắc ứng xử khi có nghi ngờ về độ chính xác của đồng hồ tổng

- 3.1.** Khi Bên B nghi ngờ độ chính xác của các đồng hồ tổng thì có quyền yêu cầu Bên A thực hiện việc kiểm tra đồng hồ thông qua văn bản chính thức.
- 3.2.** Sau khi nhận được yêu cầu kiểm tra đồng hồ nghi ngờ, Bên A sẽ thực hiện kiểm tra bằng các thiết bị kiểm tra tại hiện trường với sự chứng kiến của các bên.
- 3.3.** Trong trường hợp Bên B yêu cầu phải có kiểm tra của cơ quan chức năng có thẩm quyền, Bên A sẽ thực hiện tháo gỡ, thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ đã kiểm định tại vị trí này trong thời gian ngắn nhất. Đồng hồ bị nghi ngờ độ chính xác sẽ được niêm phong mang đi kiểm định tại cơ quan chức năng có thẩm quyền.
- 3.4.** Lượng nước mua bán sử dụng trong thời gian từ khi Bên B yêu cầu kiểm tra đến khi thay đồng hồ đã được kiểm định sẽ được tạm tính theo trường hợp quy định tại mục 2.2.
- 3.5.** Sau khi có kết quả kiểm định, căn cứ vào kết quả:
 - 3.5.1.** Trường hợp đồng hồ có kết quả kiểm định có độ chính xác trong giới hạn cho phép: tất cả các chi phí liên quan bao gồm phí kiểm định, chi phí tháo dỡ, lắp đặt đồng hồ và các chi phí liên quan khác sẽ do Bên B chịu trách nhiệm chi trả.
 - 3.5.2.** Trường hợp đồng hồ có kết quả kiểm định có độ chính xác vượt giới hạn cho phép: Bên A sẽ chịu trách nhiệm chi trả tất cả chi phí liên quan.
 - 3.5.3.** Lượng nước đã tạm tính ở mục 3.4 sẽ được so sánh khối lượng đo đếm thực tế 10 ngày liên tục sau khi hoạt động của đồng hồ đã kiểm định để truy thu hoặc giảm trừ.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 9 năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH
(Thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21/4/2022;

Căn cứ Quy chế quản trị nội bộ Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21/4/2022;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21/4/2022;

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 23/NQ-CNBT-HĐQT ngày 30/7/2026 về việc ghi nhận thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị và thông qua chủ trương tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền;

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 26/NQ-CNBT-HĐQT ngày 11/8/2026 về việc thông qua danh sách ứng viên đủ tiêu chuẩn, điều kiện và bộ tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền;

Căn cứ Tờ trình số 24/TTr-CNBT-HĐQT ngày 03/9/2026 của Hội đồng quản trị về việc thông qua giao dịch Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2026, việc ủy quyền thực hiện và cơ chế thanh toán liên quan;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản ngày 18/9/2026 về việc thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị.

1. Thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành nhiệm kỳ 2022 – 2027 đối với ông Phạm Tuấn Anh theo đề nghị của cổ đông Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV do thay đổi người đại diện phần vốn tại Công ty.

2. Thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành nhiệm kỳ 2022 – 2027 đối với bà Nguyễn Thị Kiều Nguyệt theo Đơn xin từ nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Công nhận kết quả bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị.

Công nhận kết quả bầu bổ sung 02 Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành nhiệm kỳ còn lại 2022 – 2027 theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp năm 2020, cụ thể:

a) Bà Nguyễn Đỗ Ngọc Bảo trúng cử Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành nhiệm kỳ còn lại 2022 – 2027.

b) Bà Trần Thị Ngọc Luyến trúng cử Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành nhiệm kỳ còn lại 2022 – 2027.

Điều 3. Thông qua giao dịch Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2026, việc ủy quyền thực hiện và cơ chế thanh toán liên quan.

1. Chấp thuận việc thương thảo Bản thỏa thuận và ký kết Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2026 giữa Công ty và Tổng Công ty với đơn giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng là 7.455,49 đồng/m³, bản thỏa thuận và hợp đồng mua sỉ nước sạch được ký theo từng năm và giao cho Giám đốc Công ty thực hiện.

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt chủ trương thương thảo, ký kết Bản thỏa thuận và Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch điều chỉnh khi có sự thay đổi đơn giá. Trường hợp việc điều chỉnh làm phát sinh phần chênh lệch giá trị giao dịch sau điều chỉnh so với giao dịch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản theo Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện nội dung được ủy quyền tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2027.

3. Đại hội đồng cổ đông thông qua chủ trương cho phép Giám đốc (Người đại diện theo pháp luật) của Công ty được thực hiện tạm thanh toán tiền mua sỉ nước sạch năm 2027 theo đơn giá áp dụng của Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2026 trong thời gian chờ Đại hội đồng cổ đông quyết định giao dịch Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2027 và đơn giá áp dụng, nhằm bảo đảm hoạt động sản xuất, kinh doanh và cung cấp nước an toàn, liên tục, ổn định của Công ty.

Điều 4. Tổ chức thực hiện.

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

2. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Phạm Tuấn Anh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng 9 năm 2026

GIẤY ỦY QUYỀN

Thực hiện quyền biểu quyết theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành

Bên ủy quyền:

Cổ đông:.....

CCCD/Hộ chiếu/Mã số doanh nghiệp (đối với tổ chức):.....

Cấp ngày: Nơi cấp:

Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:

Hiện đang sở hữu/đại diện sở hữu: cổ phần (xác định theo danh sách cổ đông chốt tại ngày 26/8/2026).

Nay lập Giấy ủy quyền này để ủy quyền cho:

Bên được ủy quyền (chỉ ghi một trong hai nội dung dưới đây):

1. Ông (Bà):

CCCD/Hộ chiếu số:.....Cấp ngày:.....Nơi cấp:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:

2. Ông/Bà - Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành

(Trường hợp cổ đông chưa có người đại diện, có thể ủy quyền cho: ông Phạm Tuấn Anh – TV.HĐQT, ông Nguyễn Hoài Nam – TV.HĐQT, ông Lý Bửu Nghĩa – TV.HĐQT, bà Nguyễn Thị Kiều Nguyệt – TV.HĐQT, ông Văng Công Hiếu – TV.HĐQT, ông Nguyễn Hữu Trí – TV.HĐQT; ông Hồ Lê Minh – TV.HĐQT)

Người được ủy quyền thay mặt Bên ủy quyền ký Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và thực hiện quyền biểu quyết đối với toàn bộ các nội dung lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành theo Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản gửi kèm Thông báo số 25/TB-CNBT-HĐQT ngày 03/9/2026. Quyền biểu quyết của Bên được ủy quyền tương ứng với toàn bộ số cổ phần mà Bên ủy quyền sở hữu hoặc đại diện sở hữu theo danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng. Người nhận ủy quyền không được ủy quyền lại cho bất kỳ bên thứ ba nào.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi hết thời hạn lấy ý kiến.

Chúng tôi cam kết các thông tin ghi trong Giấy ủy quyền này là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật, Điều lệ Công ty về việc ủy quyền nêu trên.

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

BÊN ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Ghi chú: Vui lòng gửi giấy ủy quyền này kèm theo Phiếu lấy ý kiến

Nếu bên ủy quyền là tổ chức phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và đóng dấu của tổ chức.